

CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI
KỸ NGHỆ QUE HÀN
INDUSTRIAL GAS AND
WELDING ELECTRODE
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 193/S-SVG

No: 193/S-SVG

TPHCM, ngày tháng 03 năm 2025

Ho Chi Minh City, March 28, 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

ANNUAL REPORT 2024

Kính gửi/ Dear:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- The State Securities Commission;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán
- The Stock Exchange.

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Transaction name: Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ Industrial Gas And Welding Electrode Joint Stock Company

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Business registration certificate number: 0300422482 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/01/2007. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi thứ 12 ngày 08/06/2023./ 0300422482 was first issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on January 23, 2007. The company is currently operating under the 12th amended Certificate of Business Registration of Joint Stock Company dated June 8, 2023.

- Vốn điều lệ/ Charter capital: 293.500.000.000 đồng/ 293.500.000.000 dong
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's equity: 293.500.000.000 đồng/ 293.500.000.000 dong
- Địa chỉ/ Address: 1 – 3 Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP.HCM/ 1 – 3 Nguyen Truong To, Ward 13, District 4, HCMC
- Số điện thoại/ Phone number: (84-208) 38262748
- Số fax/ Fax number: (84-208) 39400942
- Website: www.sovigaz.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Stock code (if any): SVG

Quá trình hình thành và phát triển/ Formation and development process:

- Công ty TNHH một thành viên Hoi kỹ nghệ Que hàn tiền thân là Công ty Hoi kỹ nghệ SOVIGAZ, được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa Phân khu Việt Nam S.O.A.E.O. và Công Ty Việt Nam Hoi Kỹ Nghệ./ *Welding Rod Industrial Gas Company Limited, formerly known as SOVIGAZ Industrial Gas Company, was established on the basis of the merger between S.O.A.E.O. Vietnam Division and Vietnam Industrial Gas Company.*

• Phân khu Việt Nam S.O.A.E.O. thuộc Công ty Société D'oxygène Et D'acétylène D'extrême Orient (gọi tắt là S.O.A.E.O.) của Pháp hoạt động tại miền Nam Việt Nam từ tháng 02 năm 1939 chuyên sản xuất Oxygen và Acetylen có địa chỉ tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, Khánh Hội – Sài Gòn./ *Vietnam S.O.A.E.O. Division of the French company Société D'oxygène Et D'acétylène D'extrême Orient (abbreviated as S.O.A.E.O.) operating in Southern Vietnam since February 1939 specializes in producing Oxygen and Acetylene located at 1-3 Nguyen Truong To, Khanh Hoi – Saigon.*

• Công Ty Việt Nam Hoi kỹ nghệ, có tên Pháp Société Vietnamienne de Gaz Industriels, gọi tắt là SOVIGAZ, được thành lập tháng 09 năm 1967. Cơ sở sản xuất đầu tiên của SOVIGAZ đặt tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa – là tiền thân của xí nghiệp Hoi Kỹ Nghệ Biên Hòa hiện nay./ *Vietnam Gas Industrial Company, with the French name Société Vietnamienne de Gaz Industriels, abbreviated as SOVIGAZ, was established in September 1967. SOVIGAZ's first production facility was located in Bien Hoa Industrial Park - the predecessor of the current Bien Hoa Gas Industrial Enterprise.*

- Đầu năm 1974, SOVIGAZ sáp nhập với S.O.A.E.O. thành Công ty Hoi kỹ nghệ - SOVIGAZ. Trung tâm điều hành đặt tại số 1-3 Nguyễn Trường Tộ - Sài Gòn với 3 Chi nhánh: SOVIGAZ Cần Thơ và SOVIGAZ Nha Trang./ *In early 1974, SOVIGAZ merged with S.O.A.E.O. to form the Industrial Gas Company - SOVIGAZ. The operating center is located at 1-3 Nguyen Truong To - Saigon with 3 branches: SOVIGAZ Can Tho and SOVIGAZ Nha Trang.*

- Sau ngày giải phóng Miền Nam, Công ty Hoi kỹ nghệ Que hàn được thành lập theo quyết định số 229/HC-TCCB ngày 18/05/1976 của Tổng cục Hóa chất trên cơ sở tiếp quản, quốc hữu hóa CÔNG TY HƠI KỸ NGHỆ - SOVIGAZ cùng với 1 Xí nghiệp sản xuất Acetylen và 2 Xí nghiệp sản xuất que hàn./ *After the liberation of the South, the Welding Rod Industrial Gas Company was established under Decision No. 229/HC-TCCB dated May 18, 1976 of the General Department of Chemicals on the basis of taking over and nationalizing the SOVIGAZ INDUSTRIAL GAS COMPANY along with 1 Acetylene Production Enterprise and 2 Welding Rod Production Enterprises.*

- Năm 1993, Công ty Hoi kỹ nghệ Que hàn được thành lập lại theo Quyết định số 265/QĐ-TCNSĐT ngày 22/05/1993 của Bộ Công nghiệp Nặng (theo Thông báo số 138/TB ngày 03/05/1993 của Văn phòng Chính phủ theo thông báo ý kiến của Thủ Tướng Chính Phủ về việc đồng ý cho phép thành lập lại doanh nghiệp Nhà Nước.)/ *In 1993, the Welding Rod Industrial Gas Company was re-established under Decision No. 265/QĐ-TCNSDT dated May 22, 1993 of the Ministry of Heavy Industry (according to Notice No. 138/TB dated May 3, 1993 of the Government Office following the*

announcement of the Prime Minister's opinion on agreeing to allow the re-establishment of a State-owned enterprise.)

- Năm 2007, Công ty được chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Hời kỹ nghệ Que hàn 100% vốn Nhà nước theo quyết định số 3328/QĐ-BCN ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Bộ Công nghiệp./ *In 2007, the Company was transformed into a 100% State-owned Industrial Gas Welding Rod One Member Co., Ltd. according to Decision No. 3328/QĐ-BCN dated November 21, 2006 of the Ministry of Industry.*

- Ngày 20/12/2013, Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam ban hành quyết định số 441/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Hời kỹ nghệ Que hàn./ *On December 20, 2013, Vietnam Chemical Group issued Decision No. 441/QĐ-HCVN on equitization of Industrial Gas Welding Rod One Member Co., Ltd.*

- Ngày 23/09/2014, Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam 381/QĐ-HCVN, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Hời kỹ nghệ Que hàn thành công ty cổ phần./ *On September 23, 2014, Vietnam Chemical Group 381/QĐ-HCVN, on approving the equitization plan and converting Industrial Gas Welding Rod One Member Co., Ltd. into a joint stock company.*

- Công ty TNHH một thành viên Hời kỹ nghệ Que hàn tổ chức Đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng ngày 10/11/2014 tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó:/ *Industrial Gas Welding Rod One Member Co., Ltd. organized the Initial Public Offering of Shares on November 10, 2014 at the Ho Chi Minh City Stock Exchange. In which:*

o Giá đấu thành công cao nhất :	10.500 đồng/cổ phần
o Highest successful bid :	10.500 dong/ share
o Giá đấu thành công thấp nhất :	10.000 đồng/cổ phần
o Lowest successful bid :	10.000 dong/ share
o Giá đấu thành công bình quân :	10.009 đồng/cổ phần
o Average successful bid :	10.009 dong/ share
o Tổng số cổ phần bán được :	140.900 cổ phần
o Total number of shares sold :	140.900 shares
o Tổng giá trị cổ phần bán được :	1.410.290.000 đồng
o Total value of shares sold :	1.410.290.000 dong

- Công ty hoàn tất thực hiện cổ phần hóa và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 28/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300422482 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/01/2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 28 tháng 01 năm 2015 với vốn điều lệ là 293.500.000.000 đồng./ *The Company completed equitization and operated as a joint stock company from January 28, 2015 according to the Certificate of Business Registration of a joint stock company No. 0300422482 issued by the Department of Planning and*

Investment of Ho Chi Minh City for the first time on January 23, 2007, changed for the 8th time on January 28, 2015 with a charter capital of 293.500.000.000 dong.

Các sự kiện khác/ Other events:

- Năm 1994: Đầu tư dây chuyền sản xuất Oxy, Nitơ 300 m³/h tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Khánh Hội;/ 1994: *Invested in a 300 m³/h Oxygen and Nitrogen production line at Khanh Hoi Industrial Steam Factory;*

- Năm 1997: Đầu tư dây chuyền sản xuất Oxy, Nitơ 150 m³/h tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang;/ 1997: *Invested in Oxygen and Nitrogen production line 150 m³/h at Nha Trang Industrial Steam Factory;*

- Năm 2000: Đầu tư dây chuyền sản xuất khí Công nghiệp 350 m³/h tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa;/ 2000: *Invested in 350 m³/h industrial gas production line at Bien Hoa Industrial Gas Enterprise;*

- Năm 2000: Thành lập Chi nhánh tại Hải Phòng, nay là Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng;/ 2000: *Established a branch in Hai Phong, now Hai Phong Industrial Steam Enterprise;*

- Năm 2002: Thành lập Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương đầu tư dây chuyền sản xuất oxy-nitơ-argon công suất 1500 m³/h với công nghệ hiện đại của Mỹ./ 2002: *Established Binh Duong Welding Rod Industrial Gas Enterprise, invested in oxy-nitrogen-argon production line with capacity of 1500 m³/h with modern American technology.*

- Năm 2002: Công ty được Det Norske Veritas cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Năm 2011, công ty chuyển đổi lên phiên bản ISO 9001:2008 và duy trì đến hiện nay./ 2002: *The company was granted a certificate of quality management system meeting ISO 9001:2000 standard by Det Norske Veritas. In 2011, the company converted to ISO 9001:2008 version and has maintained it to the present.*

- Năm 2005: Tiếp nhận sáp nhập Công ty Đất đèn Hóa chất Trảng Kênh thành chi nhánh của Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn;/ 2005: *Received and merged Trang Kanh Chemical Calcium Cartridge Company into a branch of Industrial Gas Welding Rod One Member Co., Ltd;*

- Năm 2010: Công ty thực hiện di dời cơ sở sản xuất ra khỏi Thành phố Hồ Chí Minh bằng việc sáp nhập Chi nhánh Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Khánh Hội tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh về XN Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương. Cùng năm, Công ty tiếp tục đầu tư thêm tại Xí nghiệp một dây chuyền sản xuất Oxy-nitơ-argon công suất 3.000 m³/h với công nghệ hiện đại của Mỹ./ 2010: *The Company relocated its production facility out of Ho Chi Minh City by merging Khanh Hoi Industrial Gas Enterprise Branch at 1-3 Nguyen Truong To, Ward 12, District 4, Ho Chi Minh City into Binh Duong Welding Rod Industrial Gas Enterprise. In the same year, the Company continued to invest in an additional Oxy-nitrogen-argon production line with a capacity of 3,000 m³/h using modern American technology at the Enterprise.*

- Năm 2011: Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất que hàn điện công suất 10.000 tấn/năm tại Long An thuộc Dự án di dời kết hợp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất Xí nghiệp Que hàn

diện Khánh Hội;/ 2011: *The company invested in a production line of electric welding rods with a capacity of 10,000 tons/year in Long An under the project of relocating and investing in technology innovation and expanding production of Khanh Hoi Electric Welding Rod Factory;*

- Năm 2014: Công ty tiến hành di dời kết hợp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất Xi nghiệp Hoi kỹ nghệ Nha Trang về Khu Công Nghiệp Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa./ 2014: *The company relocated and invested in technology innovation and expanded production from Nha Trang Industrial Steam Factory to Dien Phu Industrial Park, Dien Khanh District, Khanh Hoa Province.*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Industry and business location:*

• Ngành nghề kinh doanh/ *Business lines:*

- Sản xuất hóa chất cơ bản: sản xuất các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO_3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn (không sản xuất tại trụ sở)./ *Production of basic chemicals: production of industrial gases, medical gases, calcium carbide, light powders (CaCO_3) and products processed from calcium carbide (not produced at headquarters).*

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất Que hàn điện (không sản xuất tại trụ sở)./ *Other production not classified elsewhere: Production of electric welding rods (not produced at headquarters).*

- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn: dịch vụ sửa chữa, kiểm tra các loại bình chứa khí công nghiệp./ *Repair of prefabricated metal products: repair and inspection services for all types of industrial gas tanks.*

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: dịch vụ lắp đặt và cung cấp các thiết bị, dây chuyên sử dụng khí công nghiệp, lắp đặt và cung cấp các thiết bị sử dụng khí phục vụ y tế. Lắp đặt, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hệ thống đường ống dẫn dùng trong phòng cháy chữa cháy./ *Installation of industrial machinery and equipment: installation and supply services for equipment and lines using industrial gases, installation and supply of equipment using medical gases. Installation, maintenance, inspection, repair of pipeline systems used in fire prevention and fighting.*

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: mua bán sản phẩm khí đốt hóa lỏng./ *Wholesale of solid, liquid, gaseous fuels and related products: buying and selling liquefied petroleum gas products.*

- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu: mua bán vật tư, phụ tùng phục vụ chuyên ngành khí công nghiệp và que hàn điện. Mua bán các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO_3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn./ *Other specialized wholesale not elsewhere classified: buying and selling materials and spare parts for industrial gases and electric welding rods. Buying and selling industrial gases, medical gases, calcium carbide, light powders (CaCO_3) and products processed from calcium carbide.*

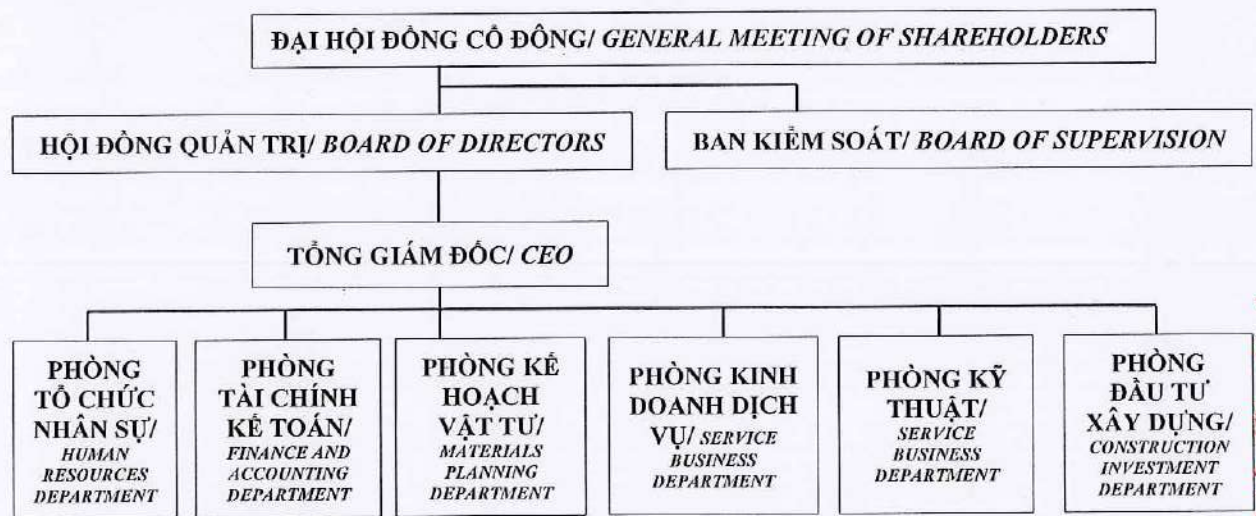
• Địa bàn kinh doanh/ *Business location*

Các tỉnh phía Nam Việt Nam từ Phú Yên đến Cà Mau và các tỉnh phía Bắc: Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh và các tỉnh lân cận./ *Southern provinces of Vietnam from Phu Yen to Ca Mau and Northern provinces: Hai Phong, Hai Duong, Quang Ninh and neighboring provinces.*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information on governance model, business organization and management apparatus:*

- Mô hình quản trị/ *Management model:*

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm/ *The current organizational structure of management, administration and control of the Company includes:*



• Đại hội đồng cổ đông/ *General meeting of shareholders*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định./ *The General Meeting of Shareholders is the highest authority, deciding on issues within the duties and powers prescribed by law and the Company's Charter.*

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;/ *Decide on the type of shares and the total number of shares that can be offered for sale of each type; decide on the annual dividend rate of each type of shares;*
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;/ *Elect, dismiss, and remove members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;*
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho Công ty cả cổ đông của công ty;/ *Review and handle violations by the Board of Directors and the Board of Supervisors that cause damage to the Company and its shareholders;*
- Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;/ *Decision to reorganize and dissolve the company;*

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty; / *Approve the Company's development plan; approve annual financial reports, reports of the Board of Supervisors, Board of Directors, decide to sell assets with a value equal to or greater than 50% of the total value of assets recorded in the Company's accounting books;*
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ; / *Approve amendments and supplements to the Charter, except for cases of adjusting charter capital due to selling new shares within the number of shares allowed to be offered as prescribed in the Charter;*
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại; / *Decision to buy back more than 10% of total shares sold of each type;*
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ; / *Other powers and duties as prescribed in the Charter;*

• **Hội đồng quản trị/ Board of Directors**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. / *The Board of Directors is the management body of the Company, with full authority on behalf of the Company to resolve issues related to the Company's purposes and interests, except for issues under the authority of the General Meeting of Shareholders.*

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; / *Decide on the Company's strategy, medium-term development plan and annual business plan;*
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; / *Propose the type of shares and the total number of shares of each type that can be offered;*
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; / *Propose the type of shares and the total number of shares of each type that can be offered;*
- Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức; / *Propose annual dividend levels and determine interim dividend levels, organize dividend payments;*
- Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định. / *Other rights and obligations as prescribed in the Company Charter.*

• **Ban kiểm soát/ Control board**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. / *The Board of Supervisors is elected by the General*

Meeting of Shareholders. The role of the Board of Supervisors is to ensure the rights of shareholders and supervise the Company's activities.

• **Tổng giám đốc/ General Director**

- Họ và tên: Trịnh Anh Phong/ *Full name: Trinh Anh Phong*
- Giới tính: Nam/ *Gender: Male*
- Quốc tịch: Việt Nam/ *Nationality: Vietnam* Dân tộc: Kinh/ *Ethnic group: Kinh*
- Ngày/ tháng/ năm sinh: 23/03/1983/ *Date of birth: 23/03/1983* Quê quán: Hải Phòng/ *Hometown: Hai Phong*
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 448/9B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM/ *Place of permanent residence registration: 448/9B Nguyen Tat Thanh, Ward 18, District 4, Ho Chi Minh City*
- Địa chỉ hiện tại: 448/9B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM/ *Current address: 448/9B Nguyen Tat Thanh, Ward 18, District 4, HCMC*
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications:*
 - o Kỹ sư Hóa – Đại học Bách Khoa TP.HCM;/ *Chemical Engineer – Ho Chi Minh City University of Technology*
 - o Thạc sĩ Hóa – Đào tạo tại Pháp;/ *Master of Chemistry – Trained in France;*
 - o Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Maastricht Hà Lan;/ *Master of Business Administration – Maastricht University, Netherlands;*
 - o Trình độ chính trị: Cao cấp;/ *Political level: Senior;*
 - o Trình độ ngoại ngữ: Anh văn, Pháp văn giao tiếp./ *Foreign language proficiency: English, French communication*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc/ *Current position at the Company: Member of the Board of Directors and General Director*
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không/ *Current position held at other organizations: none*
 - o Đại diện sở hữu cho Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam: 8.218.000 cổ phần/ *Ownership representative for Vietnam Chemical Group: 8.218.000 shares*
 - o Cá nhân sở hữu: 10.500 cổ phần/ *Individual ownership: 10.500 shares*

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao./ *The General Director is the person who runs the daily business. The General Director is supervised by the Board of Directors and is responsible to the Board of Directors for the implementation of assigned rights and duties.*

Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ/ *The General Director has the following rights and duties:*

▪ Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;/ *Implement the Resolutions of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders, the Company's business plan and investment plan approved by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;*

▪ Quyết định các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;/ *Decide on matters that do not require a Resolution of the Board of Directors, including signing financial and commercial contracts on behalf of the Company, organizing and operating the Company's daily production and business activities according to best management practices;*

▪ Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;/ *Recommend the number and types of managers that the Company needs to hire for the Board of Directors to appoint or dismiss when necessary to apply the activities as well as good management structures proposed by the Board of Directors and advise the Board of Directors to decide on salaries, remuneration, benefits and other terms in the labor contracts of managers;*

▪ Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định./ *Other rights and obligations as prescribed in the Company Charter.*

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure:*

Sơ đồ cơ cấu quản lý của Công ty như sau/ *The Company's management structure chart is as follows:*



• **Phòng tài chính kế toán/ *Finance and accounting department***

▪ Tổ chức công tác tài chính, kế toán, hạch toán kinh tế và tổ chức bộ máy kế toán toàn Công ty theo đúng Pháp luật;/ *Organize financial, accounting, economic accounting work and organize the accounting apparatus of the entire Company in accordance with the Law;*

▪ Tham mưu cho Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị, bộ phận trong Công ty thực hiện đúng đắn các chế độ tài chính, kế toán, tiền tệ; kịp thời phát hiện và ngăn ngừa tham ô, lãng phí, vi phạm nguyên tắc kinh tế, tài chính./ *Advise the General Director to direct units and departments in the Company to*

properly implement financial, accounting and monetary regimes; promptly detect and prevent embezzlement, waste and violations of economic and financial principles.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn, tài sản; quản lý, giám sát việc sử dụng vốn; phát huy hiệu quả đồng vốn; đề xuất hướng giải quyết, cân đối các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển./ *Develop plans for capital and asset use; manage and monitor capital use; promote capital efficiency; propose solutions and balance capital sources for production, business and investment development activities.*

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán; bảo đảm phản ánh rõ ràng, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu kế toán, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản; quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh./ *Collect and process accounting information and data according to the subjects and contents of accounting work, according to accounting standards and regimes; ensure clear, accurate and timely reflection of accounting information and data, the situation of asset circulation and use; the process and results of production and business activities.*

- Phân tích hoạt động kinh tế, tài chính; tham mưu đề xuất những biện pháp phục vụ cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Tổng Giám đốc./ *Analyze economic and financial activities; advise and propose measures to serve the management of production and business activities, serve the management requirements and economic and financial decisions of the General Director.*

- Đề xuất và thực hiện các hình thức thanh toán đối nội và thanh toán quốc tế./ *Propose and implement domestic and international payment methods.*

- Tổ chức kiểm tra các đơn vị trực thuộc về các việc: thực hiện kế hoạch tài chính, các khoản thu, chi, thanh toán nợ, nộp ngân sách; thực hiện chế độ thanh toán, thực hiện hợp đồng kinh tế, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc thực hiện chế độ hạch toán kế toán, kiểm tra báo cáo kế toán, quyết toán tài chính (nếu có)./ *Organize inspections of affiliated units on the following matters: implementation of financial plans, revenues, expenditures, debt payments, budget payments; implementation of payment regimes, implementation of economic contracts, inspection of management and use of assets and capital, inspection of implementation of accounting regimes, inspection of accounting reports, financial settlement (if any).*

• Phòng tổ chức nhân sự/ Human resources department

- Theo dõi pháp chế về hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh tế đúng pháp luật./ *Monitor legal compliance on production and business activities of the entire Company, guide affiliated units to conduct economic activities in accordance with the law;*

- Tham mưu Tổng giám đốc về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, bộ máy quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty./ *Advise the General Director on organizing the production and business apparatus and management apparatus in accordance with the development requirements of the Company;*

▪ Tham mưu Tổng giám đốc về phân công quyền hạn, trách nhiệm và xây dựng sơ đồ tổ chức; xác định mối quan hệ về quyền hạn và phối hợp hoạt động của các phòng, bộ phận; / *Advise the General Director on assigning authority, responsibility and building organizational charts; determine authority relationships and coordinate activities of departments and divisions;*

▪ Tham mưu Tổng giám đốc về hoạch định nguồn nhân lực, quy hoạch cán bộ, đề xuất bổ nhiệm, đề bạt các chức danh lãnh đạo của Phòng Công ty và Chi nhánh trực thuộc; / *Advise the General Director on human resource planning, staff planning, propose appointments and promotions for leadership positions of the Company's Departments and affiliated Branches;*

▪ Là thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty, Hội đồng lương Công ty; / *Standing member of the Company's Emulation and Reward Council and Company's Salary Council;*

▪ Đề xuất và thực hiện các thủ tục: Tuyển dụng, thôi việc, miễn nhiệm, hưu trí, điều động, kỷ luật và khen thưởng; / *Propose and implement procedures: Recruitment, termination, dismissal, retirement, transfer, discipline and reward;*

▪ Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch quỹ tiền lương; theo dõi việc thực hiện chế độ nâng bậc lương toàn Công ty; / *Develop salary unit price, salary fund plan; monitor the implementation of salary increase regime throughout the Company;*

▪ Soạn thảo Quy chế trả lương, trả thưởng, nâng lương, nâng bậc, Nội quy lao động, phối hợp với Công đoàn soạn thảo Thỏa ước lao động; / *Draft regulations on salary, bonus, salary increase, promotion, labor regulations, coordinate with the Union to draft labor agreements.*

▪ Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo nghiệp vụ quản lý; phối hợp với phòng Kỹ thuật tổ chức đào tạo nghề cho công nhân; / *Develop recruitment plans, management training plans; coordinate with the Technical Department to organize vocational training for workers;*

▪ Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; định biên lao động; phối hợp với phòng Kỹ thuật xác định cấp bậc công việc, xây dựng định mức lao động; / *Develop professional and technical standards; determine labor quotas; coordinate with the Technical Department to determine job levels and develop labor norms;*

▪ Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ an ninh, tổ chức hệ thống y tế, vệ sinh lao động. Cùng phòng Kỹ thuật thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn, bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ. / *Carry out internal protection, security protection, organize medical system, labor hygiene. Together with the Technical Department, carry out environmental protection, safety, labor protection and fire prevention.*

▪ Quản lý hồ sơ pháp lý của Công ty, hồ sơ hành chính và con dấu Công ty. / *Manage the Company's legal records, administrative records and Company seal.*

• **Phòng kế hoạch vật tư/ Material planning department**

1. Về kế hoạch/ *About the plan:*

a) Xây dựng kế hoạch sản xuất – tiêu thụ – tài chính của Công ty hằng năm và tổ chức bảo vệ kế hoạch theo lịch xét duyệt của Tập Đoàn HCVN. / *Develop the Company's annual production*

- consumption - finance plan and organize the protection of the plan according to the approval schedule of HCVN Group.

b) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh Tập Đoàn HCVN giao, xây dựng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, năm giao các Chi nhánh trực thuộc./ *Based on the production and business plan assigned by HCVN Group, develop monthly and annual production and consumption plans for the affiliated branches.*

c) Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên, thống kê tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Công ty để phục vụ các cuộc họp điều độ sản xuất toàn Công ty và báo cáo Tập Đoàn HCVN, Tổng cục thống kê theo định kỳ, có phân tích nguyên nhân tăng giảm./ *Monitor the implementation of production and business plans at member units, compile statistics on the implementation results of the entire Company's production and business plans to serve the Company's production coordination meetings and periodically report to HCVN Group and the General Statistics Office, with analysis of the reasons for increase or decrease.*

d) Phối hợp với phòng Tài vụ thực hiện kiểm tra quyết toán tài chính năm trước và giao kế hoạch giá thành – tài chính năm cho các đơn vị căn cứ thực hiện./ *Coordinate with the Finance Department to conduct the financial settlement audit of the previous year and assign the annual cost-financial plan to the units for implementation.*

e) Phối hợp với Công đoàn ban hành các chỉ tiêu thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý để các đơn vị phấn đấu thực hiện./ *Coordinate with the Trade Union to issue emulation targets to complete quarterly production and business plans for units to strive to implement.*

f) Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh của Chi nhánh trực thuộc công ty phù hợp nhiệm vụ kế hoạch toàn công ty./ *Develop production and business plans for the company's affiliated branches in accordance with the company's overall planning tasks.*

g) Xây dựng phương án liên doanh, liên kết kinh tế. Phối hợp với phòng Đầu tư xây dựng dự án đầu tư đối với các công trình đầu tư lớn của Công ty./ *Develop joint venture and economic association plans. Coordinate with the Investment Department to develop investment projects for the Company's major investment projects.*

h) Phụ trách công tác thư ký trong cuộc họp Điều độ sản xuất toàn Công ty./ *In charge of secretarial work in the Company-wide Production Coordination meeting*

2. Về cung ứng vật tư, thiết bị/ *Regarding the supply of materials and equipment:*

a) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo tồn kho vật tư nguyên liệu chính tại các đơn vị thành viên, lập kế hoạch thu mua vật tư, nguyên liệu chính đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của các đơn vị thành viên./ *Based on the production and business plan and inventory report of main materials and supplies at member units, make a plan to purchase main materials and supplies to promptly meet the production needs of member units.*

b) Thu thập thông tin mua hàng trong và ngoài nước, đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng có giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo để trình Tổng giám đốc Công ty xem xét, phê duyệt./ *Collect*

domestic and foreign purchasing information, evaluate and select suppliers with competitive prices and guaranteed quality to submit to the Company's General Director for consideration and approval.

c) Theo dõi tiếp nhận và tổ chức kiểm tra, nhập kho các vật tư, nguyên liệu chủ yếu./ *Monitor the reception and organize the inspection and warehousing of key materials and supplies.*

d) Phối hợp với phòng Kỹ thuật theo dõi, quản lý tình hình thực hiện định mức vật tư, nguyên liệu chủ yếu tại các đơn vị thành viên sao cho tiết kiệm nhất./ *Coordinate with the Technical Department to monitor and manage the implementation of material and raw material norms at member units to achieve the most savings.*

e) Phối hợp với phòng Kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về các thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc./ *Coordinate with the Technical Department to meet the requirements for equipment serving the production and business activities of affiliated units.*

f) Ra văn bản thông báo kiểm kê vật tư, tài sản toàn Công ty định kỳ và bất thường theo qui định của Nhà nước./ *Issue written notices of periodic and irregular inventory of materials and assets of the entire Company according to State regulations.*

• Phòng kinh doanh dịch vụ/ Service business department

▪ Nghiên cứu thông tin thị trường, xác định yêu cầu, nhu cầu của thị trường trong từng thời kỳ, từng khu vực. Lập phương án chiến lược về thị trường để làm căn cứ, cơ sở cho công việc xây dựng các dự án đầu tư phát triển của Công ty./ *Research market information, determine market requirements and needs in each period and each region. Develop market strategy plans as a basis for the Company's investment and development projects.*

▪ Tham mưu cho Tổng giám đốc phân công thị trường nội bộ Công ty và Quy hoạch mở rộng thị trường./ *Advise the General Director on internal market assignment and market expansion planning.*

▪ Tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trong toàn Công ty; đề xuất chính sách, phương án kinh doanh sản phẩm toàn Công ty; đề xuất yêu cầu cải tiến hoạt động kinh doanh để tăng sức cạnh tranh trong thị trường./ *Organize and operate business activities and product consumption throughout the Company; propose policies and plans for product sales throughout the Company; propose requirements to improve business activities to increase competitiveness in the market.*

▪ Tổ chức hoạt động tiếp thị, đề xuất việc cung cấp nguồn lực cho hoạt động tiếp thị. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ tiếp thị cho các đơn vị trực thuộc./ *Organize marketing activities, propose the provision of resources for marketing activities. Direct and guide marketing operations for affiliated units.*

▪ Quy định cách thức quản lý luân chuyển chai, bồn chứa khí, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra thực hiện./ *Regulate the method of managing the circulation of gas cylinders and tanks, guide and organize implementation inspections.*

▪ Tham mưu cho Tổng giám đốc về cơ chế tiêu thụ sản phẩm, hoa hồng, khuyến mại. Phụ trách hội chợ, website của Công ty và thương mại điện tử./ *Advise the General Director on product*

consumption mechanisms, commissions, promotions. In charge of affairs, the Company's website and e-commerce.

▪ Nhiệm vụ của Phòng Kinh doanh dịch vụ về công tác dịch vụ/ *Duties of the Service Sales Department regarding service work:*

➤ Lắp đặt, bảo trì hệ thống dẫn truyền khí và lỏng tại các đơn vị trực thuộc khi có yêu cầu./ *Install and maintain gas and liquid transmission systems at affiliated units when required.*

➤ Quản lý và thực hiện các Hợp đồng lắp đặt, bảo trì hệ thống khí y tế, khí công nghiệp tại các bệnh viện và cơ sở công nghiệp có yêu cầu. Phối hợp với phòng Kỹ thuật hướng dẫn khách hàng sử dụng hệ thống dẫn truyền khí và lỏng./ *Manage and implement contracts for installation and maintenance of medical gas and industrial gas systems at hospitals and industrial facilities upon request. Coordinate with the Technical Department to instruct customers on the use of gas and liquid transmission systems.*

➤ Tham gia quá trình triển khai dịch vụ mới của Công ty./ *Participate in the implementation of new services of the Company.*

• Phòng Kỹ thuật/ *Technical Department*

▪ Xây dựng tiêu chuẩn (hoặc chuẩn chấp nhận) cho các nguyên vật liệu và sản phẩm của Công ty. Quản lý chất lượng sản phẩm toàn Công ty. Thực hiện công bố chất lượng sản phẩm. Tham mưu cho Tổng giám đốc về các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm./ *Develop standards (or acceptance standards) for the Company's raw materials and products. Manage product quality throughout the Company. Implement product quality declaration. Advise the General Director on measures to improve product quality.*

▪ Xây dựng quy trình công nghệ. Hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc sản xuất sản phẩm đúng quy trình công nghệ, mẫu mã, chất lượng đã đăng ký hoặc công bố./ *Develop technological processes. Guide and inspect affiliated units to manufacture products in accordance with registered or announced technological processes, designs, and quality.*

▪ Xây dựng và quản lý định mức tiêu hao vật tư. Thống kê, kiểm tra tình hình thực hiện định mức tại các Chi nhánh; tham mưu cho Tổng giám đốc về các biện pháp kỹ thuật để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất./ *Develop and manage material consumption norms. Compile and check the implementation of norms at branches; advise the General Director on technical measures to save costs and reduce production costs.*

▪ Xây dựng tiêu chuẩn cấp bậc công nhân, phối hợp với phòng Tổ chức Nhân sự xác định định mức lao động./ *Develop worker rank standards, coordinate with Human Resources Department to determine labor norms.*

▪ Tổ chức nghiên cứu sản phẩm mới; nghiên cứu cải tiến kỹ thuật. Phụ trách kiểu dáng công nghiệp, sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa./ *Organize research on new products; research on technical improvements. Responsible for industrial designs, intellectual property, and trademarks.*

▪ Xác định các yêu cầu về dữ liệu kỹ thuật của máy móc thiết bị, kể cả thiết bị đo lường, phụ tùng, vật tư cần mua, thiết bị, phụ tùng cần sửa chữa hoặc gia công, xác định nhu cầu sử dụng thiết bị

trong quá trình sản xuất./ *Determine technical data requirements of machinery and equipment, including measuring equipment, spare parts, materials to be purchased, equipment and spare parts to be repaired or processed, and determine the need to use equipment in the production process.*

- Phụ trách công tác sửa chữa lớn. Thiết kế gia công chế tạo phụ tùng. Hỗ trợ các chi nhánh trong việc sửa chữa máy móc thiết bị./ *In charge of major repairs. Design, manufacture and sale of spare parts. Support branches in repairing machinery and equipment.*

- Xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ và môi trường, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch bảo hộ lao động của Công ty. Tổng hợp hồ sơ cho Tổng giám đốc xét và phê duyệt các kế hoạch này cho các đơn vị trực thuộc./ *Develop the Company's science, technology and environment plan, major repair plan, and labor protection plan. Compile documents for the General Director to review and approve these plans for affiliated units.*

- Là thường trực của Hội đồng xét duyệt sáng kiến, Hội đồng Bảo hộ lao động, Hội đồng thi nâng bậc Công ty./ *Standing member of the Initiative Review Council, Labor Protection Council, and Company Promotion Examination Council.*

- Phụ trách công tác an toàn hóa chất. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, PCCC, an toàn lao động, phụ trách đào tạo an toàn lao động, đào tạo vận hành, sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động./ *Responsible for chemical safety. Carry out environmental protection, fire prevention, labor safety, responsible for labor safety training, training in operation and use of equipment with strict labor safety requirements.*

- Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh viên và lực lượng phòng chống cháy nổ./ *Organize a network of safety and hygiene workers and fire prevention forces*

• Phòng Đầu tư Xây dựng/ *Construction Investment Department*

- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng đắn các qui định của Nhà nước về đầu tư xây dựng, quản lý công trình./ *Responsible to the General Director for ensuring full and correct implementation of State regulations on construction investment and project management.*

- Phối hợp với các phòng liên quan dự thảo phương án đầu tư./ *Coordinate with relevant departments to draft investment plans.*

- Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm. Thực hiện các báo cáo theo qui định của Nhà nước về công tác đầu tư, xây dựng./ *Develop annual construction investment plans. Make reports according to State regulations on investment and construction work.*

- Lập hồ sơ mời thầu. Tổ chức đấu thầu đối với các dự án đầu tư của công ty. Trực tiếp giám sát tiến độ công trình đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị trong dự án đầu tư báo cáo Tổng giám đốc./ *Prepare bidding documents. Organize bidding for the company's investment projects. Directly supervise the progress of construction investment projects, purchase equipment in investment projects and report to the General Director.*

- Quản lý xây dựng cơ bản nội bộ Công ty; theo dõi; kiểm tra việc xây dựng cơ bản tại các đơn vị trực thuộc. Kiểm tra thiết kế, dự toán và thực hiện các công trình xây dựng cơ bản nhỏ nội bộ Công

ty./ *Manage the Company's internal basic construction; monitor and inspect the basic construction at affiliated units. Inspect the design, estimate and implementation of small internal basic construction projects of the Company.*

▪ Tổng hợp hồ sơ cho Tổng giám đốc xem xét và phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn nhà xưởng, vật kiến trúc./ *Compile documents for the General Director to review and approve major repair plans for factories and structures.*

▪ Nắm và báo cáo công tác quản lý đất đai do Công ty quản lý với các đơn vị chức năng liên quan./ *Grasp and report on land management work managed by the Company to relevant functional units.*

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, affiliates:*

• Công ty liên kết/ *Affiliated companies:* không có/ *none*

• Công ty con/ *Subsidiaries:*

SOVIGAZ có Văn phòng chính đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và chín (09) đơn vị trực thuộc, chi tiết như sau/ *SOVIGAZ has its Head Office located in Ho Chi Minh City and nine (09) affiliated units, details as follows:*

Văn phòng công ty/ *Company office*

• Địa chỉ: 1 – 3 Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh/ *Address: 1 – 3 Nguyen Truong To, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City*

• Số điện thoại/ *Phone number:* (84-208) 38262748

• Số fax/ *Fax number:* (84-208) 39400942

• Website: www.sovigaz.com.vn

• E-mail: info@sovigaz.com.vn

Các chi nhánh/ *Branches:*

1) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa – Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Bien Hoa Industrial Steam Enterprise - Branch of Welding Rod Industrial Steam Joint Stock Company*

• Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 2, phường An Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai./ *Address: Bien Hoa 1 Industrial Park, Road No. 2, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province*

• Số điện thoại/ *Phone number:* 0251 – 3836211

• Mã số chi nhánh/ *Branch code:* 0300422482-002

2) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Nha Trang Industrial Steam Enterprise - Branch of Welding Rod Industrial Steam Joint Stock Company*



- Địa chỉ: Phường Vĩnh Hải, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa/ *Address: Vinh Hai Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province*
 - Số điện thoại/ *Phone number:* 0258 – 3831186
 - Mã số chi nhánh/ *Branch code:* 0300422482-009
- 3) **Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Khanh Hoi Electric Welding Rod Enterprise - Branch of Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company***
- Địa chỉ: Lô C4, đường số 1, khu công nghiệp Nhứt Khánh, xã Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An./ *Address: Lot C4, Road No. 1, Nhut Khanh Industrial Park, Nhut Chanh Commune, Ben Luc District, Long An Province.*
 - Số điện thoại/ *Phone number:* 0272 - 3637005
 - Mã số chi nhánh/ *Branch code:* 0300422482-010
- 4) **Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Binh Duong Industrial Gas Welding Rod Enterprise - Branch of Industrial Gas Welding Rod Joint Stock Company***
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương/ *Address: Dong An Industrial Park, Thuan An Town, Binh Duong Province*
 - Số điện thoại/ *Phone number:* 0274 – 3765336
 - Mã số chi nhánh/ *Branch code:* 0300422482-008
- 5) **Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Can Tho Industrial Steam Enterprise - Branch of Welding Rod Industrial Steam Joint Stock Company***
- Địa chỉ: Đường trục chính, Khu công nghiệp và chế xuất Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ./ *Address: Main road, Tra Noc Industrial and Export Processing Zone, Tra Noc ward, Binh Thuy district, Can Tho city.*
 - Số điện thoại/ *Phone number:* 0292 – 3841297
 - Mã số chi nhánh/ *Branch code:* 0300422482-004
- 6) **Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Khanh Hoi Electric Welding Rod Enterprise - Branch of Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company***
- Địa chỉ: 502 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 04, thành phố Hồ Chí Minh/ *Address: 502 Nguyen Tat Thanh, Ward 18, District 04, Ho Chi Minh City*
- 7) **Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Hai Phong Industrial Steam Enterprise - Branch of Welding Rod Industrial Steam Joint Stock Company***

- Địa chỉ: tổ dân phố Quyết Thành, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng/
Address: Quyet Thanh residential group, Minh Duc town, Thuy Nguyen district, Hai Phong city

- Số điện thoại/ *Phone number*: 0225 - 3534502

- Mã số chi nhánh/ *Branch code*: 0300422482-006

8) Nhà máy Đúc đèn và Hóa chất Tràng Kênh - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Trang Kanh Carbide and Chemical Factory - Branch of Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company*

- Địa chỉ: Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng/ *Address: Minh Duc Town, Thuy Nguyen District, Hai Phong City*

- Số điện thoại/ *Phone number*: 0225 - 3875146

- Mã số chi nhánh/ *Branch code*: 0300422482-009

9) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Phan Rang - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn/ *Phan Rang Industrial Steam Enterprise - Branch of Welding Rod Industrial Steam Joint Stock Company*

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Nam, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận/
Address: Phuoc Nam Industrial Park, Phuoc Nam Commune, Thuan Nam District, Ninh Thuan Province

- Mã số chi nhánh/ *Branch code*: 0300422482-011

4. Định hướng phát triển/ *Development orientation*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *The main objectives of the Company*:

- Công ty giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát và điều chỉnh lại (nếu có) hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường./ *The company maintains stable production in terms of capacity, quality and good consumption of products with flexible prices; production is always associated with labor safety, environmental sanitation, sustainable growth and achieving appropriate economic efficiency. Maintain stable operation of machinery and equipment, maintain and expand product consumption markets, seek additional sources of supply of raw materials and equipment to have competitive prices for production and reserve, review and readjust (if any) the economic - technical norm system. Continue to implement labor safety and environmental sanitation work in a synchronous, systematic and regular manner.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty./ *The Company's short- and medium-term sustainability goals (environmental, social and community) and key programs.*

- Mục tiêu của Công ty là duy trì sản xuất ổn định, phát triển bền vững. Theo đó, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu, khai thác tối tiềm năng, nội lực của Công ty nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng suất thiết bị công nghệ, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, thực hành tiết kiệm để giảm các chi phí sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trên thị trường trong và ngoài nước./ *The Company's goal is to maintain stable production and sustainable development. Accordingly, the Company will continue to invest in depth, exploit the Company's potential and internal resources to improve production capacity, technological equipment productivity, labor productivity, product quality, practice savings to reduce production costs, contribute to improving production and business efficiency, increase competitiveness with similar products in domestic and foreign markets.*

- Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, cũng như chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới./ *In general, the Company's development orientation in the coming time is completely consistent with the general development orientation of the industry, as well as the State's policies and general trends in the world.*

5. Các rủi ro/ Risks:

Rủi ro ô nhiễm môi trường/ Environmental pollution risk

Đặc thù của lĩnh vực sản xuất que hàn điện, các loại bột nhẹ, đất đèn và các sản phẩm từ đất đèn là có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực que hàn điện, các loại bột nhẹ, đất đèn và các loại sản phẩm từ đất đèn nên các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Do đó, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng tiếp tục cải tiến các dây chuyền./ *The specific characteristics of the field of manufacturing electric welding rods, light powders, calcium carbide and calcium carbide products are the potential to pollute the environment. As a business operating in the field of electric welding rods, light powders, calcium carbide and calcium carbide products, the Company always focuses on issues related to waste treatment and minimizing the impact of production activities on the environment, ensuring compliance with State standards. Therefore, the Company regularly checks product quality and waste to ensure compliance with State environmental standards. The Company also continues to improve its production lines.*

Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào/ Risks of raw material and energy input prices

Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Công ty. Thời gian gần đây, giá một số nguyên, nhiên vật liệu như điện, than, xăng, dầu, ... đều tăng đã đẩy chi phí sản xuất sản phẩm lên cao. Một phần nguyên liệu của Công ty được cung cấp từ các nguồn nhập khẩu, nên sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá ngoại

tệ. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào./ *The cost of raw materials and energy accounts for a large proportion of production costs, so fluctuations in the price of raw materials and input energy will directly affect the cost of goods sold and the Company's ability to generate profits. Recently, the prices of some raw materials such as electricity, coal, gasoline, oil, etc. have increased, pushing up production costs. A part of the Company's raw materials are supplied from imported sources, so they will be affected by fluctuations in foreign exchange rates. However, the Company's input material suppliers are all traditional, capable and reputable partners in the market, so the Company can still stabilize the source of raw materials for production and minimize input risks.*

Rủi ro tài chính/ Financial risks

Công ty thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đang từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối hoạt động sản xuất và tiêu thụ.../ *The company regularly has to mobilize capital from credit institutions to ensure working capital needs and investment needs to expand production and business activities. Meanwhile, due to the influence of national monetary policy, interest rates in recent years have also fluctuated abnormally. In case of high interest rates, it will increase operating costs and reduce the company's production and business efficiency. The company is gradually minimizing this risk through measures to reduce working capital needs, increase cash flow, optimize inventory ratios, balance production and consumption activities, etc.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operational situation during the year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Production and business situation

Chỉ tiêu Target	Thực hiện năm 2023 Implementation 2023	Thực hiện năm 2024 Implementation 2024	Kế hoạch năm 2024 Plan 2024	% Tăng, giảm so với TH 2023 % Increase, decrease compared to 2023 implementation	% Tăng, giảm so với KH 2024 % Increase, decrease compared to 2023 plan
Tổng tài sản Total assets	417.963.673.513	391.061.284.552	417.963.673.513	(6.4%)	(6.4%)

Vốn chủ sở hữu <i>Owners' equity</i>	302.991.898.194	303.707.675.066	300.000.000.000	0,2%	1,2%
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	236.213.043.861	237.441.759.165	255.000.000.000	0,5%	(6,9%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh <i>Profit from business activities</i>	(251.062.453)	(1.431.759.385)	1.973.000.000	(407,3%)	(172,6%)
Lợi nhuận khác <i>Other profits</i>	510.134.695	2.452.091.159	527.000.000	380,7%	365,3%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	259.072.242	1.020.331.774	2.500.000.000	293,8%	(59,2%)
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	118.133.444	715.776.872	1.913.000.000	505,9%	(46,7%)



2. Tổ chức nhân sự/ Human resource organization

- Danh sách ban điều hành/ List of executive board

Họ tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) <i>Share ownership ratio (%)</i>
Trịnh Anh Phong <i>Trinh Anh Phong</i>	Tổng Giám Đốc <i>CEO</i>	28,04%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có/ *Changes in the executive board: None*
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 242 người./ *Number of staff: 242 people.*
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:/ *Summary of policies and changes in policies for employees:*

+ Từ ngày 01/07/2024 Công ty áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ đối với người lao động làm việc ở các Chi nhánh./ *From July 1, 2024, the Company applies the regional minimum wage according to Decree 74/2024/ND-CP dated June 30, 2024 of the Government for employees working at Branches.*

- Vùng I/ *Region I:*

- Văn phòng Công ty/ *Company Office*
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương/ *Binh Duong Industrial Gas Welding Rod Factory*
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa/ *Bien Hoa Industrial Steam Enterprise*
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng/ *Hai Phong Industrial Steam Enterprise*
- Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Trảng Kênh/ *Trang Khen Carbide and Chemical Factory*
- Xí nghiệp Que hàn điện Khánh Hội/ *Khanh Hoi Electric Welding Rod Factory*

- Vùng II/ *Region II*

- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ/ *Can Tho Industrial Steam Enterprise*
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang/ *Nha Trang Industrial Steam Enterprise*
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Phan Rang/ *Phan Rang Industrial Steam Enterprise*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment situation, project implementation situation

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có/ *Large investments: None*
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có/ *Subsidiaries and affiliates: None*

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

- a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu Target	Năm 2023 2023	Năm 2024 2024	%/2023 %/2023
- Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset value</i>	417.963.673.513	391.061.284.552	(6,4%)
- Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	236.213.043.861	237.441.759.165	0,5%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	(251.062.453)	(1.431.759.385)	(407,3%)
- Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	510.134.695	2.818.925.455	552,6%
- Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	259.072.242	1.020.331.774	293,8%
- Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	118.133.444	715.776.872	505,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Key financial indicators:

Chỉ tiêu Target	Năm 2023 2023	Năm 2024 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Payment capacity indicators</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn; Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn/ <i>Current Ratio; Current Assets/Current Liabilities</i>	1,43	1,80
+ Hệ số thanh toán nhanh;/ <i>Quick ratio;</i>		
Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn/ <i>Current Assets – Inventory/ Current Liabilities</i>	1,03	1,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>Capital structure indicators</i>		

+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản/ <i>Debt/Total Assets Ratio</i>	0,28	0,22
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu/ <i>Debt/Equity Ratio</i>	0,38	0,29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Performance indicators</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>		
Gía vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân/ <i>Cost of goods sold /</i> <i>Average inventory</i>	5,3	5,4
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản/ <i>Net Revenue / Total Assets</i>	0,61	0,61
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability indicators</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần/ <i>Profit after</i> <i>tax/Net revenue ratio</i>	0,05%	0,30%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu/ <i>Profit after</i> <i>tax/Equity ratio</i>	0,04%	0,24%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản/ <i>Profit after</i> <i>tax/Total assets ratio</i>	0,03%	0,18%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần/ <i>Operating Profit Ratio / Net</i> <i>Revenue</i>	(0,11%)	(0,6%)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholder structure, changes in owner's capital*

a) Tổng số cổ phần: 29.350.000 cổ phần/ *Total number of shares: 29.350.000 shares*

b) Cơ cấu cổ đông/ *Shareholder structure:*

SỐ TT NO	Tên cá nhân/ Tổ chức <i>Name of individua/ organizatio n</i>	Phân loại cổ đông/ <i>Classification of shareholders</i>		Số CMND/ ĐKKD <i>ID card number/ Business registration number</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Số lượng CP nắm giữ <i>Number of shares held</i>	Tỷ lệ CP nắm giữ <i>Percentage of shares held</i>
		Cổ đông Nhà nước/ <i>State sharehol ders</i>	Cổ đông lớn/ <i>Major sharehold er</i>				
1	Nguyễn Văn Chung <i>Nguyen Van Chung</i>	x		024076017767	14/06/2022	8.851.800	30.16%
2	Vũ Thanh Thùy <i>Vu Thanh Thuy</i>	x		027066000194	27/04/2021	5.870.000	20%
3	Trịnh Anh Phong <i>Trinh Anh Phong</i>	x		079083028382	07/04/2023	8.218.000	28%
4	Tạ Mạnh Hiền <i>Ta Manh Hien</i>			27066000194	27/04/2021	2.700	0.009%
5	Đỗ Trọng Tín <i>Do Trong Tin</i>	x		021734082	18/09/2007	5.870.000	20%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ/ *List of founding shareholders and percentage of shares held:*

Công ty không có cổ đông nước ngoài nào sở hữu cổ phiếu SVG/ *The company has no foreign shareholders owning SVG shares.*

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có/ *Changes in owner's capital investment: None*
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có/ *Treasury stock transactions: None*
- e) Các chứng khoán khác: Không có/ *Other securities: None*
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report on the company's environmental and social impacts*

6.1. Tác động lên môi trường: Không có/ *Environmental Impact: None*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Raw material management:*

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 32.552,9 triệu đồng./ *Total amount of raw materials used to produce and package the organization's main products and services during the year: VND 32.552,9 million.*
- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có/ *Report the percentage of recycled materials used to manufacture the organization's primary products and services: None*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: chi phí đầu vào của công ty chủ yếu là điện để cho các máy móc thiết bị hoạt động. Năm 2024, Công ty sử dụng 42.400.548 Kwh / *Direct and indirect energy consumption: the company's input costs are mainly electricity for operating machinery and equipment. In 2024, the company used 42.400.548 Kwh*
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có/ *Energy saved through energy efficiency initiatives: None*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có/ *Reports on energy saving initiatives (providing energy saving products and services or using renewable energy); reports on the results of these initiatives: None*

6.4. Tiêu thụ nước/ *Water consumption:*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 84.931 M³/ *Water supply and water usage: 84.931 M³*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có/ *Percentage and total volume of recycled and reused water: None*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Comply with environmental protection laws*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có/ *Number of times fined for non-compliance with environmental laws and regulations: None*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có/ *Total amount of fines imposed for non-compliance with environmental laws and regulations: None*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Employee related policies:*

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động./ *Number of employees, average salary for employees.*

Chỉ tiêu/ Target	Năm 2023/ 2023	Năm 2024/ 2024
Tổng số người lao động (người)/ Total number of employees (people)	251	242
Tổng quỹ lương (đồng)/ Total salary fund (dong)	17.500.000.000	27.756.267.802
Lương bình quân của người lao động (đồng/tháng)/ Average salary of workers (dong/month)	5.810.093	9.557.943

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure the health, safety and welfare of workers*

- Đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động đã được công bố và áp dụng. Các yếu tố nguy hiểm, có hại thường xuyên được kiểm tra, đánh giá, đo lường 1 năm/lần. Thường xuyên rà soát cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động./ *Ensure that national standards on occupational safety and hygiene have been published and applied. Hazardous and harmful factors are regularly inspected, evaluated and measured once a year. Regularly review and improve working conditions and take care of workers' health.*

- Cử người có chuyên môn phù hợp làm cán bộ chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động./ *Assign people with appropriate expertise to be full-time officers in charge of occupational safety and hygiene.*

- Đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đầy đủ cho người lao động./ *Pay full occupational accident and disease insurance for employees.*

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cá nhân cho người lao động. Tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác an toàn vệ sinh lao động theo thông tư 07/2016 của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội, trong đó chú trọng công tác đánh giá nguy cơ rủi ro và hướng dẫn người lao động tự đánh giá nguy cơ về rủi ro an toàn vệ sinh lao động nhằm chủ động phòng, ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thực hiện công tác tự kiểm tra an toàn vệ sinh lao động./ *Provide full personal protective equipment for workers. Strictly implement occupational safety and hygiene work according to Circular 07/2016 of the Ministry of Labor - Invalids and Social Affairs, focusing on risk assessment and guiding workers to self-assess occupational safety and hygiene risks to proactively prevent occupational accidents and diseases; carry out self-inspection of occupational safety and hygiene.*

- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động là một trong những nội dung bắt buộc của công tác bảo hộ lao động, được duy trì liên tục trong quá trình sản xuất và kinh doanh của Công ty, nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn sức khỏe, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, phòng tránh các tai nạn, sự cố trong quá trình làm việc; cũng như quyền, nghĩa vụ của người lao động trong việc chấp hành quy định ATVSLĐ./ *Occupational safety and hygiene training is one of the mandatory contents of labor protection work, maintained continuously during the production and business process of the Company, to provide knowledge and skills to ensure health and safety, assess dangerous factors, prevent accidents and incidents during work; as well as the rights and obligations of employees in complying with occupational safety and hygiene regulations.*

Trong năm Công ty đã tổ chức đào tạo về: Huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động trước khi nhận việc và được huấn luyện nhắc lại định kỳ mỗi năm một lần. Người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ được huấn luyện ATVSLĐ có kiểm tra, sát hạch và cấp thẻ an toàn. Công tác huấn luyện ATLĐ-VSLĐ cho 06 nhóm đối tượng theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 đã huấn luyện cho 279 người, trong đó có 174 người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn – Vệ sinh lao động./ *During the year, the Company organized training on: Occupational safety and health training for employees before they start working and periodic refresher training once a year. Employees doing jobs with strict requirements on occupational safety and health are trained on occupational safety and health, tested, evaluated and issued safety cards. Occupational safety and health training for 06 groups of subjects according to Decree No. 44/2016/ND-CP dated May 15, 2016 has trained 279 people, of which 174 people do jobs with strict requirements on occupational safety and health.*

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm từ 1 đến 2 lần tùy theo điều kiện lao động, tổng số lao động khám sức khỏe 242 người đạt 100%./ *Organize periodic health check-ups once or twice a year depending on working conditions, total number of employees having health check-ups is 242 people, reaching 100%.*

- Ngoài các chế độ theo quy định của Nhà nước Công ty đã xây dựng Quy chế chi tiêu trong đó quy định các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, tiền xăng công tác, cơm ca,... Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng nhằm hỗ trợ người lao động và giúp người lao động an tâm làm việc. Bên cạnh đó, người lao động được hưởng đầy đủ các khoản phúc lợi trong Thỏa ước lao động tập thể./ *In addition to the regimes prescribed by the State, the Company has established a Spending Regulation which stipulates allowances for telephone, business trip expenses, gasoline, meals, etc. These allowances are added to monthly income to support employees and help them feel secure at work. In addition, employees are entitled to full benefits in the Collective Labor Agreement.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động./ *Employee training activities.*

- Công ty luôn chú trọng đến hoạt động đào tạo nhân lực nên hằng năm Công ty đưa ra mục tiêu chất lượng số giờ đào tạo chuyên môn trung bình mỗi năm: 50 giờ./ *The company always focuses on human resource training activities, so every year the company sets a quality target of an average number of professional training hours per year: 50 hours.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn được tổ chức thường xuyên theo yêu cầu để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp./ *Skill development and professional training programs are organized regularly as required to support employees in securing employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility to local communities*

Công ty thường xuyên làm công tác từ thiện, tổng số tiền chi cho công tác từ thiện năm 2024 là 200 triệu đồng/ *The company regularly does charity work, the total amount spent on charity work in 2024 is 200 million dong.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có/ Reports related to green capital market activities according to the guidance of the State Securities Commission: None

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)/ Board of Directors' Report and Evaluation (Board of Directors reports and evaluates the company's overall situation)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Evaluation of production and business performance

a) Tình hình chung/ General situation

Năm 2024, Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện có những khó khăn và thuận lợi cơ bản sau đây/ In 2024, Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company will carry out its production and business tasks under the following basic difficulties and advantages:

❖ **Khó khăn/ Hard**

+ Đối với sản phẩm khí công nghiệp/ For industrial gas products:

- Tình hình thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt, quyết liệt, nhất là cạnh tranh về giá bán sản phẩm vì càng ngày càng nhiều Nhà đầu tư tham gia thị trường ngành khí công nghiệp, đặc biệt là các Nhà đầu tư 100% vốn nước ngoài./ The market situation is increasingly competitive, especially in terms of product prices because more and more investors are participating in the industrial gas market, especially 100% foreign-owned investors.
- Với ưu thế về tài chính và kinh nghiệm lâu năm trên trường quốc tế, các Nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia các dự án FDI công suất lớn, từ đó, họ có lợi thế hơn so với Công ty về giá thành sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp./ With financial advantages and many years of experience in the international arena, foreign investors can participate in large-capacity FDI projects, thereby having an advantage over the Company in terms of production costs of industrial gas products.
- Nguồn cung sản phẩm oxy, nitơ, argon hiện đã vượt xa nhu cầu thị trường, do vậy, tình hình cạnh tranh về giá bán sản phẩm sẽ ngày một gay gắt, quyết liệt. Năm 2024, một đối thủ cạnh tranh trong ngành khí công nghiệp vừa hoàn thành 01 dây chuyền sản xuất, có khả năng cung ứng sản lượng sản phẩm oxy lỏng, nitơ lỏng ra thị trường tương đương công suất sản xuất hiện có của Công ty. Vì vậy, để giành thị trường các Nhà đầu tư nước ngoài sẵn sàng chịu lỗ, chào bán với giá cực thấp, nên mặt bằng giá các sản phẩm khí công nghiệp trên thị trường ngày một thấp./ The supply of oxygen, nitrogen, and argon products has now far exceeded market demand, so the competition on product prices will become increasingly fierce. In 2024, a competitor in the industrial gas industry has just completed a production line, capable of supplying the market with liquid oxygen and liquid nitrogen products equivalent to the Company's current production capacity. Therefore, in order to gain market share, foreign investors are willing to take losses and offer extremely low prices, so the price level of industrial gas products on the market is getting lower and lower.

- Chính sách đấu thầu qua mạng của khối y tế chỉ quan tâm về giá, không chú trọng đến năng lực kinh nghiệm của Nhà thầu và tính an toàn khi sử dụng, làm cho Công ty không còn lợi thế cạnh tranh. Để giữ thị trường, quý 4 năm 2024 Công ty tiếp tục phải giảm mạnh giá bán oxy lỏng cho khối khách hàng bệnh viện, làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty trong quý 4 năm 2024, và tiếp diễn sang năm 2025. Để giữ thị trường Công ty phải giảm giá bán đối với phân khúc khách hàng Bệnh viện. Giá oxy lỏng dự thầu cung cấp cho khối khách hàng bệnh viện tại khu vực TP. HCM và một số vùng lân cận phải giảm./ *The online bidding policy of the medical sector only focuses on price, not on the experience and capacity of the Contractor and safety in use, making the Company no longer have a competitive advantage. To maintain the market, in the fourth quarter of 2024, the Company continued to have to sharply reduce the selling price of liquid oxygen to the hospital customer segment, greatly affecting the Company's production and business efficiency in the fourth quarter of 2024, and continuing into 2025. To maintain the market, the Company had to reduce the selling price for the hospital customer segment. The bid price of liquid oxygen supplied to the hospital customer segment in Ho Chi Minh City and some neighboring areas had to be reduced.*
 - Các Công ty tư nhân tham gia vào khâu thương mại tiếp tục sử dụng các thiết bị áp lực cũ, đã qua sử dụng từ 15-20 năm trở lên, nhập khẩu với giá rất rẻ từ nước ngoài để cạnh tranh với công ty. Trong khi chính sách đấu thầu tập trung của khối y tế không đề cao năng lực kinh nghiệm nhà thầu và chất lượng thiết bị, mà chỉ quan tâm đến giá, dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh đó, đa số khách hàng sử dụng sản phẩm khí y tế chỉ quan tâm đến giá bán, không hiểu biết rõ các yếu tố an toàn, vì vậy, thị trường luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn./ *Private companies participating in the commercial stage continue to use old pressure equipment, used for 15-20 years or more, imported at very cheap prices from abroad to compete with the company. Meanwhile, the centralized bidding policy of the medical sector does not emphasize the contractor's capacity and experience and the quality of the equipment, but only cares about price, leading to unfair competition. In addition, the majority of customers using medical gas products only care about the selling price, do not clearly understand the safety factors, so the market always has the potential for unsafety.*
- + Đối với sản phẩm que hàn điện/ *For electric welding rod products:*
- Sản phẩm que hàn cũng chịu sức ép cạnh tranh quyết liệt bởi các cơ sở sản xuất tư nhân trong nước./ *Welding rod products are also under fierce competitive pressure from domestic private manufacturing facilities.*
 - Hiện nay xu hướng sử dụng dây hàn Tig/Mig thay thế que hàn hồ quang tay diễn ra với tốc độ rất nhanh, làm giảm đáng kể nhu cầu sử dụng que hàn của Công ty./ *Currently, the trend of using Tig/Mig welding wire to replace manual arc welding rods is happening very quickly, significantly reducing the Company's need for welding rods.*
- + Chi phí sản xuất ngày một tăng, cụ thể như chi phí xăng dầu, lệ phí cầu đường, đặc biệt là giá điện là: tổng chi phí điện tăng do tăng giá bán điện so với kế hoạch Tập đoàn giao là 4.056 triệu đồng làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty trong năm 2024./ *Production costs are increasing day by day, specifically gasoline costs, road tolls, especially electricity prices: total electricity costs*

increased due to increased electricity prices compared to the Group's plan of 4,056 million VND, greatly affecting the Company's production and business efficiency in 2024.

+ Chi phí BHXH tăng do Nhà nước điều chỉnh lương tối thiểu vùng từ 01/07/2024./ *Social insurance costs increase due to the State adjusting the regional minimum wage from July 1, 2024.*

+ Chi phí lưu thông phục vụ công tác tiêu thụ sản phẩm cũng ngày một tăng do phát sinh tăng lệ phí cầu đường, lệ phí xin giấy phép vận chuyển giao hàng vào giờ cấm, đường cấm, cho các đơn vị nằm trong nội đô Thành phố HCM và các tỉnh thuộc địa bàn Công ty hoạt động./ *Transportation costs for product consumption are also increasing due to increased road and bridge fees, fees for applying for transportation and delivery permits during prohibited hours and on prohibited roads, for units located in Ho Chi Minh City and provinces where the Company operates.*

+ Trong khi đó, để giữ thị trường trong bối cảnh ngày một cạnh tranh quyết liệt về mặt giá cả, Công ty không thể tăng giá bán cùng nhịp với giá đầu vào./ *Meanwhile, to maintain the market in the context of increasingly fierce price competition, the Company cannot increase selling prices at the same pace as input prices.*

+ Chiến tranh giữa Nga và Ukraina làm giá xăng dầu phục vụ vận chuyển hàng hóa liên tục tăng, ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành hoạt động vận chuyển và hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2024./ *The war between Russia and Ukraine has caused the price of gasoline for transporting goods to continuously increase, significantly affecting the cost of transportation and business efficiency of the Company in 2024.*

❖ Thuận lợi/ Advantages

+ Thương hiệu Sovigaz tiếp tục được khẳng định trên thị trường./ *Sovigaz brand continues to be affirmed in the market*

+ Phương châm hoạt động của Công ty là: “Chất lượng, An toàn, Tận tâm, Uy tín, Chuyên nghiệp”, các yêu cầu của khách hàng đều được Công ty đáp ứng bất kể mọi lúc, mọi nơi. / *The Company's motto is: "Quality, Safety, Dedication, Prestige, Professionalism", all customer requirements are met by the Company anytime, anywhere.*

+ Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, một cổ đông lớn của Công ty, luôn quan tâm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao./ *Vietnam Chemical Group, a major shareholder of the Company, always pays attention to timely direction and creates favorable conditions for the Company to strive to complete assigned tasks.*

Tóm lại: Năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nội tại Công ty cũng gặp không ít khó khăn, cụ thể là: Chi phí sản xuất kinh doanh ngày một tăng như tiền thuê đất, chi phí xăng dầu, chi phí lưu thông, đặc biệt là giá điện, năm 2023 giá điện tăng 2 đợt, tổng cộng 7,5%; ngày 11/10/2024 giá điện tiếp tục tăng 4,8%, làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty trong năm 2024; tình hình thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt, quyết liệt, để giữ thị trường, quý 4 năm 2024 Công ty tiếp tục phải giảm mạnh giá bán oxy lỏng cho khối khách hàng bệnh viện, làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty trong quý 4 năm 2024. Song với sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động, cùng các biện pháp chỉ đạo linh hoạt, kịp thời của Ban Lãnh đạo, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, ổn định hoạt động

sản xuất kinh doanh và duy trì việc làm cho người lao động./ *In summary: In 2024, in the context of the complicated developments in the world and domestic economies, the Company also encountered many internal difficulties, specifically: Production and business costs are increasing day by day such as land rent, gasoline costs, transportation costs, especially electricity prices, in 2023, electricity prices increased twice, a total of 7.5%; on October 11, 2024, electricity prices continued to increase by 4.8%, greatly affecting the Company's production and business efficiency in 2024; the market situation is increasingly competitive, fiercely, to maintain the market, in the fourth quarter of 2024, the Company continued to have to sharply reduce the selling price of liquid oxygen to hospital customers, greatly affecting the Company's production and business efficiency in the fourth quarter of 2024. However, with the solidarity and efforts of the labor force, along with the flexible and timely guidance of the Board of Directors, the Company has gradually overcome difficulties, stabilized production and business activities and maintained jobs for employees.*

Tuy vậy, kết quả SXKD của Công ty năm 2024 vẫn đạt mức thấp, với các chỉ tiêu cụ thể như sau/ *However, the Company's production and business results in 2024 are still low, with the following specific targets:*

- + Giá trị SXCN (giá thực tế): 261,272 tỷ đồng, đạt 99,1 % so c/kỳ; 93,4 % so KH năm./ *Industrial production value (actual price): 261,272 billion dong, reaching 99.1% compared to the period; 93.4% compared to the yearly plan.*
- + Tổng DT: 237,444 tỷ đồng, đạt 100,5 % so c/kỳ; 93,1 % so KH năm./ *Total revenue: 237,444 billion dong, reaching 100.5% compared to the period; 93.1% compared to the yearly plan*
- + Lợi nhuận: 715,777 triệu đồng, đạt 605,9 % so cùng kỳ; 37,4 % so KH năm./ *Profit: 715,777 million dong, reaching 605.9% over the same period; 37.4% over the yearly plan*

Tình hình tài chính/ Financial situation

Trước những khó khăn về tình hình tài chính như chi phí sản xuất ngày một tăng, lãi suất ngân hàng còn khá cao, để bảo toàn và sử dụng hiệu quả đồng vốn, năm qua Công ty đã thực hiện hàng loạt các giải pháp sau/ *Faced with financial difficulties such as increasing production costs and high bank interest rates, in order to preserve and effectively use capital, last year the Company implemented a series of the following solutions:*

- Quản lý thu, chi, tài sản và nguồn vốn của Công ty theo đúng quy định./ *Manage the Company's revenue, expenditure, assets and capital in accordance with regulations.*
 - Ưu tiên sử dụng vốn tự có của Công ty, hạn chế vay ngân hàng để giảm thiểu chi phí lãi vay./ *Prioritize the use of the Company's own capital, limit bank loans to minimize interest costs.*
 - Không để tồn kho vật tư, hàng hóa khối lượng lớn để tránh gây ứ đọng vốn./ *Do not keep large quantities of materials and goods in stock to avoid capital stagnation.*
 - Dùng nhiều biện pháp thúc đẩy thu hồi công nợ./ *Use many measures to promote debt collection*
 - Quản lý chặt chẽ chi phí tại các đơn vị thành viên./ *Tightly manage costs at member units.*
- + Cơ quan Kiểm toán độc lập đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo đúng quy định./ *The Independent Auditing Agency has audited the Company's 2024 financial statements in accordance with regulations.*
- + Thực hiện kịp thời và đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước./ *Timely and fully perform tax payment obligations to the State.*

+ Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông./ *Implement 2024 profit distribution in accordance with the Shareholders' Meeting Resolution.*

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policy, management:*

+ Tiếp tục củng cố thương hiệu Sovigaz thông qua chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ./ *Continue to strengthen the Sovigaz brand through product quality and service quality.*

+ Tiếp tục đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác tiếp thị phù hợp với yêu cầu phát triển và đòi hỏi của thị trường./ *Continue to train and build a team of marketing staff to meet development requirements and market demands.*

+ Giữ vững các khách hàng khí công nghiệp hiện có, bên cạnh đó, tích cực tiếp cận các khách hàng mới để khai thác, mở rộng thị trường, kể cả khách hàng sử dụng sản phẩm dạng khí và dạng lỏng./ *Maintain existing industrial gas customers, in addition, actively approach new customers to exploit and expand the market, including customers using gas and liquid products.*

+ Quan tâm chặt chẽ đến công tác đấu thầu tại các Bệnh viện, tích cực tiếp cận để cập nhật kịp thời và chính xác các thông tin phục vụ công tác đấu thầu, nhằm giữ vững các khách hàng Bệnh viện, đặc biệt đối với một số Bệnh viện đóng trên địa bàn các Tỉnh miền Tây Nam bộ. / *Pay close attention to bidding work at Hospitals, actively approach to promptly and accurately update information serving bidding work, in order to maintain Hospital customers, especially for some Hospitals located in the Southwestern Provinces.*

+ Đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của thị trường vật liệu hàn, kể cả dây hàn và que hàn dân dụng./ *Diversify products to meet the multifaceted needs of the welding materials market, including welding wire and welding rods for civil use.*

+ Tăng cường các hoạt động dịch vụ, kinh doanh vật tư, hàng hóa, đặc biệt đối với các sản phẩm CO₂, đá khô, khí trộn, dịch vụ lắp đặt, để tăng doanh thu, tạo thêm thu nhập cải thiện đời sống NLD./ *Strengthen service activities, trading of materials and goods, especially for CO₂ products, dry ice, mixed gas, installation services, to increase revenue, create more income and improve workers' lives.*

+ Định biên, sắp xếp lao động, từ văn phòng Công ty đến các đơn vị thành viên sao cho tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả./ *Establish and arrange staff, from the Company office to member units to be streamlined, compact and effective.*

+ Tăng cường hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ tại chỗ để chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận./ *Further strengthen planning and on-site staff training to prepare well for the next generation of staff.*

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Future development plans:*

a) Mục tiêu kinh tế/ *Economic goals*

- Giá trị SXCN (giá thực tế): 273,569 tỷ đồng, đạt 104,7 % so với cùng kỳ./ *Industrial production value (actual price): 273,569 billion dong, reaching 104.7% over the same period*

- Tổng doanh thu: 251 tỷ, đạt 105,7 % so với cùng kỳ./ *Total revenue: 251 billion, reaching 105.7% over the same period*

- Lợi nhuận: 200 triệu đồng, đạt 27,9% so với cùng kỳ./ *Profit: 200 million dong, up 27.9% over the same period*

b) Công tác lao động - tiền lương/ *Labor and salary work*

- Phần đầu đạt mức thu nhập bình quân 1 NLĐ là 10.000.000 đ/th, trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động./ *Strive to achieve an average income of 10,000,000 dong/month per employee, on the basis of developing production and business and increasing labor productivity.*
- Vận động NLĐ tích cực tham gia các phong trào mang tính xã hội do Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam và địa phương phát động tổ chức./ *Mobilize employees to actively participate in social movements launched and organized by Vietnam Chemical Group and localities.*

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/ Board of Directors' explanation of the audit opinion (if any) - (In case the audit opinion is not an opinion of full approval)

- Công ty cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn, vốn Nhà Nước chiếm 98,16% là công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà Nước nên công ty phải thực hiện tiền lương theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ “Về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà Nước” và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội “Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà Nước”./ *Welding Electrode Gas Joint Stock Company, with 98.16% State capital, is a joint stock company with the State's dominant capital contribution, so the company must implement wages in accordance with Decree 53/2016/ND-CP dated June 13, 2016 of the Government "On labor, wages, remuneration, bonuses for joint stock companies with State-dominated capital contributions" and Circular 28/2016/TT-BLDTBXH dated September 1, 2016 of the Ministry of Labor - Invalids and Social Affairs "Guiding the implementation of regulations on labor, wages, remuneration, bonuses for joint stock companies with State-dominated capital contributions".*

- Thực hiện theo quy định tiền lương nêu trên, Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam (Đơn vị chủ quản của công ty) có công văn số 298/HCVN-TCNS ngày 05/03/2025 phê duyệt chấp thuận tiền lương 2024 của Công ty như số chi phí tiền lương Công ty đã tính vào chi phí trong Báo cáo tài chính 2024./ *Pursuant to the above salary regulations, Vietnam Chemical Group (the Company's parent company) issued Official Dispatch No. 298/HCVN-TCNS dated March 5, 2025 approving the Company's 2024 salary as the salary expense the Company has included in the expenses in the 2024 Financial Report.*

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment report related to the company's environmental and social responsibility

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường/ Assessment related to environmental indicators

+ Thực hiện thông tư số 36/2019/TT-BLĐ-TBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao Động – Thương Binh – Xã Hội về việc ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, năm 2024 Công ty đã thực hiện đăng ký, kiểm định để xin cấp giấy chứng nhận kiểm định lần đầu cho toàn bộ bồn lỏng mới nhập; gia hạn giấy phép sử dụng cho các dây chuyền, thiết bị sản xuất, các bồn chứa lỏng cố định và di động đến hạn kiểm định lại; báo cáo công tác ATVSLĐ gửi Sở Lao Động địa phương theo thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2016 của Bộ Lao Động – Thương Binh - Xã Hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở SXKD; khai báo sử dụng đối tượng kiểm định; báo cáo Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh tình hình kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động./ *Pursuant to Circular No. 36/2019/TT-BLD-TBXH dated December 30, 2019 of the Ministry of Labor - Invalids and Social Affairs on promulgating the list of machinery, equipment and materials with strict requirements on labor safety, in 2024 the Company registered and inspected to apply for the first inspection certificate for all newly imported liquid tanks; extended the license to use production*

lines, equipment, fixed and mobile liquid tanks due for re-inspection; Report on occupational safety and hygiene to the local Department of Labor according to Circular No. 07/2016/TT-BLDTBXH dated May 15, 2016 of the Ministry of Labor - Invalids and Social Affairs stipulating a number of contents on organizing the implementation of occupational safety and hygiene for production and business establishments; declare the use of inspection objects; report to the Department of Industry and Trade of Ho Chi Minh City on the inspection of machinery, equipment and materials with strict requirements on occupational safety.

+ Công tác vệ sinh môi trường cũng được công ty quan tâm đúng mức. Những khu vực chịu tiếng ồn lớn, bụi nhiều, nóng bức được cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động bằng nút tai chống ồn, khẩu trang chống bụi, quạt chống nóng./ *Environmental sanitation is also given due attention by the company. In areas with high noise, dust, and heat, working conditions for workers are improved with noise-canceling earplugs, dust masks, and heat-resistant fans.*

+ Thực hiện Luật số: 72/2020/QH14 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 02 năm 2022, Công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường được Sở Tài Nguyên Môi Trường tại các địa phương xác nhận; Công ty cũng lập sổ đăng ký quản lý nguồn chất thải nguy hại, thuê các đơn vị có chức năng tổ chức thực hiện xử lý chất thải; thực hiện giám sát quan trắc môi trường theo định kỳ và lập đủ hồ sơ về đề án bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành đánh giá lại hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO:14001:2015 và đã được cấp giấy chứng nhận./ *Pursuant to Law No. 72/2020/QH14 and Decree No. 08/2022/ND-CP dated January 10, 2022 of the Government, Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated February 10, 2022, the Company has conducted an environmental impact assessment report confirmed by the Department of Natural Resources and Environment in the localities; The Company also established a hazardous waste source management register, hired competent units to organize waste treatment; periodically conducted environmental monitoring and prepared a complete dossier on the environmental protection project. In addition, the Company also re-evaluated the environmental quality management system according to ISO:14001:2015 standards and has been granted a certificate.*

+ Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ và Thông tư số 32/2017/TT-BTC ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn 1 số điều của Luật Hóa Chất, Công ty đã thực hiện hoàn tất việc xin cấp chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện cho 7 Chi nhánh và ban hành phiếu an toàn hóa chất cho các sản phẩm khí và lỏng của Công ty./ *Pursuant to Decree No. 113/2017/ND-CP dated October 9, 2017 of the Government and Circular No. 32/2017/TT-BTC dated December 28, 2017 of the Ministry of Industry and Trade detailing and guiding a number of articles of the Law on Chemicals, the Company has completed the application for a certificate of conditional chemical production and trading for 7 branches and issued chemical safety data sheets for the Company's gas and liquid products.*

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Assessment related to labor issues:*

Năm 2023, dù trong điều kiện SXKD gặp nhiều khó khăn, Công ty vẫn cố gắng đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Tiền lương bình quân người lao động trong năm 2024 là 9.557.943đ/người/tháng./ *In 2023, despite the difficult business conditions, the Company still tries to ensure jobs for employees. The average salary of employees in 2024 is 9,557,943 dong/person/month.*

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty/ Board of Directors' assessment of the Company's performance

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội./ The Board of Directors' assessment of the Company's operations, including assessments related to environmental and social responsibility.

1.1.Nhân sự Hội đồng Quản trị/ Board of Directors Personnel

- Nhân dự HĐQT sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn gồm 05 thành viên, trong đó/ *Attending the Board of Directors after the 2024 Annual General Meeting of Shareholders of Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company, including 05 members, including:*

+ Ông Nguyễn Văn Chung, Chủ tịch HĐQT/ *Mr. Nguyen Van Chung, Chairman of the Board of Directors*

+ Ông Trịnh Anh Phong, Thành viên HĐQT/ *Mr. Trinh Anh Phong, Member of Board of Directors*

+ Ông Tạ Mạnh Hiền, Thành viên HĐQT/ *Mr. Ta Manh Hien, Member of Board of Directors*

+ Bà Vũ Thanh Thủy, Thành viên HĐQT/ *Ms. Vu Thanh Thuy, Member of Board of Directors*

+ Ông Đỗ Trọng Tín, Thành viên HĐQT/ *Mr. Do Trong Tin, Member of Board of Directors*

1.2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2024/ Review of the Company's performance in 2024

- Ngay từ đầu năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã nhận định do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới cũng như trong nước, tình hình SXKD Công ty gặp nhiều khó khăn, cụ thể như: Một số ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, kéo theo nhu cầu sử dụng các loại khí công nghiệp và que hàn điện của các khách hàng công nghiệp giảm sút; tình hình thị trường cạnh tranh ngày một gay gắt quyết liệt, giá bán oxy lỏng giảm sâu, đặc biệt đối với thị trường khu vực bệnh viện; chi phí sản xuất ngày một tăng như giá đầu vào CO2 lỏng, giá điện tăng lần 2 trong năm 2023 4,5% làm tăng chi phí điện trong 9 tháng đầu năm 2024, ngày 11/10/2024, giá điện tiếp tục tăng 4,8% làm tăng chi phí điện trong 3 tháng cuối năm 2024, chi phí xăng dầu, lệ phí cầu đường ngày một tăng,... làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty năm 2024./ *From the beginning of 2024, the Board of Directors of the Company assessed that due to the impact of the global and domestic economic recession, the Company's production and business situation encountered many difficulties, specifically: Some industrial sectors narrowed production, leading to a decrease in demand for industrial gases and electric welding rods from industrial customers; the market competition became increasingly fierce, the selling price of liquid oxygen decreased sharply, especially for the hospital market; production costs increased day by day such as input prices of liquid CO2, electricity prices increased for the second time in 2023 by 4.5%, increasing electricity costs in the first 9 months of 2024, on October 11, 2024, electricity prices continued to increase by 4.8%, increasing electricity costs in the last 3 months of 2024, gasoline costs, road tolls increased day by day, ... greatly affecting the Company's production and business efficiency in 2024.*

- Từ những nhận định nêu trên, để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông giao năm 2024, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo công tác quản trị doanh nghiệp, bám sát mục tiêu kế hoạch đã đề ra để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh từng tháng, quý./ *From the above observations, in order to well implement the targets assigned by the Shareholders' Meeting in 2024, the Company's Board of Directors has focused on directing corporate governance, closely following*

the set plan targets to direct the implementation of production and business tasks each month and quarter.

- Dù đã có chỉ đạo sát sao của HĐQT, cũng những nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động trong toàn Công ty, nhưng năm 2024 giá bán oxy lỏng giảm sâu, trong khi giá nguyên liệu đầu vào như CO2, giá điện tăng, cộng với ảnh hưởng suy thoái kinh tế, nhu cầu sử dụng khí công nghiệp của khách hàng công nghiệp giảm sút nhiều nên kết quả SXKD của Công ty 2024 vẫn đạt mức thấp, với các chỉ tiêu cụ thể như sau/ *Despite the close direction of the Board of Directors, the efforts of the Executive Board and all employees in the entire Company, in 2024, the selling price of liquid oxygen decreased sharply, while the price of input materials such as CO2 and electricity increased, combined with the impact of economic recession, the demand for industrial gas of industrial customers decreased significantly, so the Company's production and business results in 2024 were still low, with the following specific targets:*

Chỉ tiêu/ <i>Target</i>	Đơn vị tính / <i>Unit</i>	KH SXKD năm 2024/ <i>Business plan 2024</i>	Thực hiện/ <i>Perform</i>	Tỷ lệ % thực hiện so KH/ % of <i>implementation compared to plan</i>	Tỷ lệ % thực hiện so cùng kỳ/ % of <i>implementation compared to the same period</i>
1. Giá trị SXKD (theo giá th/tế)/ <i>Production and business value (at current price)</i>	Triệu đồng/ <i>Million dong</i>	279.848	261.272	93,36%	99,1%
2. Doanh thu/ <i>Revenue</i>	Triệu đồng/ <i>Million dong</i>	255.000	240.290	94,23%	101,5 %
3. Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	Triệu đồng/ <i>Million dong</i>	2.500	1.020	40,8%	393,8%

1.3. Hoạt động của HĐQT năm 2024 / *Activities of the Board of Directors in 2024*

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định./ *Pursuant to the provisions of law and the Charter of organization and operation of Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company, the Board of Directors has properly performed its functions, duties and powers in supervising, directing and issuing Resolutions and Decisions.*

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức họp 12 phiên, lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản 14 lần. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT

đã ký ban hành 32 Nghị quyết, 20 Quyết định./ *In 2024, the Board of Directors held 12 meetings and collected written opinions from Board members 14 times. Based on the results of the meetings and written opinions, on behalf of the Board of Directors, the Chairman of the Board of Directors signed and issued 32 Resolutions and 20 Decisions.*

Định kỳ hàng quý, HĐQT tổ chức họp kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban điều hành về/
Every quarter, the Board of Directors holds meetings to inspect and supervise the activities of the Executive Board:

+Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT./
Organize the implementation of the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Resolutions of the Board of Directors

+Tình hình SXKD hàng quý, trong đó lưu ý các giải pháp cần thực hiện để giữ vững và phát triển thị trường nhằm tăng doanh thu, và tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh./ *Quarterly business situation, noting solutions to maintain and develop the market to increase revenue and reduce production and business costs.*

+ Tình hình công nợ tại các đơn vị thành viên, trong đó đặc biệt lưu ý các khoản nợ xấu./ *Debt situation at member units, with special attention paid to bad debts.*

+Tình hình thực hiện định mức vật tư kỹ thuật./ *Status of implementation of technical material norms.*

+Tình hình thực hiện KH đầu tư, mua sắm tài sản cố định./ *Status of implementation of investment plan, fixed asset purchase.*

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo 100 % số các thành viên HĐQT tham gia, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận 100 %, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự./ *All meetings of the Board of Directors are convened and organized in accordance with regulations, ensuring 100% participation of Board of Directors members, 100% consensus on voting contents, and written opinions are collected in accordance with procedures.*

Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời các Trưởng phòng Công ty và Lãnh đạo các Chi nhánh trực thuộc tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin, đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời, có sự đồng thuận cao, nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành hoạt động, đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty./ *The Board of Directors invites the Supervisory Board to attend all meetings. On important issues, the Board of Directors invites the Company's Department Heads and Leaders of affiliated Branches to attend to consult and supplement information, ensuring that the Board of Directors' Resolutions and Decisions are issued promptly and with high consensus, with the aim of creating favorable conditions for the Executive Board to operate, bringing the highest efficiency to the Company.*

1.4.Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2024/ *Evaluation of the Board of Directors' performance in 2024*

Tất cả các thành viên HĐQT đều được đào tạo bài bản về quản trị Công ty và có kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành. Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, năm 2024 HĐQT Công ty và từng thành viên đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình theo Quy chế hoạt động của HĐQT./ *All members of the Board of Directors are well-trained in*

corporate governance and have experience in management and operations. As the highest management body, representing the interests of shareholders, in 2024, the Board of Directors and each member performed their roles and duties well according to the Board of Directors' Operating Regulations.

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Hời kỹ nghệ Que hàn đối với các hoạt động kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định./ In 2024, the Board of Directors properly performed its functions, duties and powers as prescribed by law and the Charter of the organization and operation of the Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company regarding the activities of inspection, supervision, direction and issuance of Resolutions and Decisions.

2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành/ Evaluation of the Executive Board's performance

Nhận thức được những thách thức, khó khăn, đặc biệt là thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt, cộng thêm ảnh hưởng nặng nề từ cuộc chiến giữa Nga và Ukraina, nên ngay từ đầu năm 2024 Ban điều hành Công ty đã bám sát mục tiêu kế hoạch để xây dựng các chương trình, kế hoạch làm việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD Đại hội cổ đông giao. Qua đánh giá của HĐQT, năm 2024 Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD, thể hiện qua các mặt dưới đây/ Recognizing the challenges and difficulties, especially the increasingly competitive market, combined with the heavy impact of the war between Russia and Ukraine, from the beginning of 2024, the Company's Board of Directors has closely followed the plan's goals to develop programs and work plans to effectively carry out the production and business tasks assigned by the Shareholders' Meeting. According to the Board of Directors' assessment, in 2024, the Board of Directors has successfully completed the production and business tasks, demonstrated through the following aspects:

- + Ổn định hoạt động SXKD dù trong điều kiện thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt./ Stabilize production and business activities despite increasingly competitive market conditions
- + Giữ vững thị trường truyền thống, đặc biệt đối với khu vực khách hàng Bệnh viện./ Maintain traditional markets, especially for hospital customers.
- + Quản lý tốt chi phí SXKD tại các đơn vị thành viên./ Manage production and business costs well at member units.
- + Theo dõi sát tình hình thực hiện định mức tại các đơn vị thành viên để kịp chấn chỉnh khi cần thiết./ Closely monitor the implementation of standards at member units to promptly make adjustments when necessary.
- + Quản lý tốt công tác vận hành, ATLĐ, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ./ Good management of operations, occupational safety, environmental sanitation and fire prevention.
- + Cân đối cơ cấu nguồn vốn hợp lý, phục vụ kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh./ Balance the capital structure reasonably, promptly serve the needs of production and business activities.
- + Quản lý tốt giá vật tư, nguyên liệu đầu vào, giữ mức tồn kho vật tư, hàng hóa vừa đủ, không gây ứ đọng vốn./ Manage well the price of input materials and supplies, maintain sufficient inventory of materials and goods, and avoid capital stagnation.
- + Triển khai kịp thời công tác đầu tư trang, thiết bị phục vụ SXKD, đáp ứng nhu cầu khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty/ Timely deploy investment in facilities and equipment serving production and business, meeting customer needs and improving the Company's operational efficiency.

well 3. Kế hoạch, định hướng hoạt động của Công ty năm 2025/ Company's operational plan and orientation for 2025

Sau khi xem xét các mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2024, dự báo tình hình thị trường năm 2025, năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng hiện tại; dự báo những thách thức, khó khăn trong

năm 2025, HĐQT thống nhất đề xuất KH SXKD năm 2025 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau/ After reviewing the Company's production and business activities in 2024, forecasting the market situation in 2025, current production capacity and response ability; forecasting challenges and difficulties in 2025, the Board of Directors agreed to propose the Company's 2025 Production and Business Plan with the following main targets:

Chỉ tiêu/ Target	Đơn vị tính/ Unit	KH SXKD Năm 2025/ Business Plan 2025	Tỷ lệ % KH so T. hiện cùng kỳ/ % of KH compared to the same period
1. Giá trị SXCN (theo giá th/tế) / Industrial production value (at actual price)	Tỷ đồng/ Billion dong	273,569	104,7 %
2. Doanh thu/ Revenue	Tỷ đồng/ Billion dong	251	104,6 %
3. Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	Tỷ đồng/ Billion dong	0.2	27,9%
4. Mức cổ tức/VĐL/ Dividend level/Chartered capital	%	Không chia cổ tức/ No dividends	Không chia cổ tức/ No dividends

Do tình hình thị trường còn nhiều biến động khó lường, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế có thể điều chỉnh KH SXKD sao cho hợp lý, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất./ Due to the unpredictable market situation, the General Meeting of Shareholders is requested to authorize the Board of Directors to adjust the production and business plan based on the actual situation to ensure the highest efficiency.

Nhiệm vụ của HĐQT nhằm chỉ đạo hoàn thành KH SXKD năm 2025/ The Board of Directors' tasks are to direct the completion of the 2025 Business Plan:

+ Tăng cường vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT trên các lĩnh vực đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025./ Strengthen the role and responsibility of each member of the Board of Directors in assigned areas to improve the effectiveness of management and supervision of the Company's operations in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter, ensuring effective implementation of the Resolution of the 2025 General Meeting of Shareholders.

+ Bám sát diễn biến của thị trường để đưa ra những định hướng, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, nhằm chỉ đạo thực hiện tốt nhất nhiệm vụ KH SXKD năm 2025./ Closely follow market developments to provide directions and solutions suitable to the actual situation, in order to best direct the implementation of the 2025 Production and Business Plan tasks.

+ Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý trong toàn Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty./ Continue to improve the management apparatus throughout the Company to enhance management capacity, focus on training and developing human resources to meet the development requirements of the Company.

+ Tiếp tục chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả sử dụng đồng vốn./ *Continue to direct basic construction investment work, ensuring timeliness and effective use of capital.*

+ Tiếp tục chỉ đạo công tác thị trường trong điều kiện cạnh tranh ngày một quyết liệt, nhằm giữ vững khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới. Bên cạnh đó, phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo phát triển sản phẩm mới để tăng doanh thu, tăng hiệu quả hoạt động./ *Continue to direct market activities in increasingly fierce competition conditions, in order to maintain traditional customers and develop new customers. In addition, coordinate with the Executive Board to direct the development of new products to increase revenue and improve operational efficiency.*

+ Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; có cơ chế, chính sách tiền lương phù hợp để thu hút, giữ chân người lao động có trình độ, tay nghề chuyên môn cao./ *Pay attention to the material and spiritual life of workers; have appropriate salary mechanisms and policies to attract and retain workers with high qualifications and professional skills.*

+ Nghiên cứu phát triển một số sản phẩm mới như đá khô, khí trộn, dịch vụ lắp đặt để tăng doanh thu, cải thiện thu nhập cho người lao động./ *Research and develop new products such as dry ice, mixed gas, installation services to increase revenue and improve income for workers.*

+ Chỉ đạo xây dựng, ban hành bổ sung các quy chế./ *Direct the development and promulgation of additional regulations.*

+ Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý cấp Phòng ban, Xí nghiệp để nâng cao năng lực quản lý./ *Continue to direct the improvement of the management apparatus at the Department and Enterprise levels to improve management capacity.*

V. Quản trị công ty/ *Company administration*

1. Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of*

Directors:

Stt No	Thành viên HDQT/ <i>Member of the Board of Directors</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/ <i>Voting shares</i>		Chức vụ tại Công ty khác/ <i>Position at other companies</i>
			Số cổ phần/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership ratio</i>	
1	Ông Nguyễn Văn Chung <i>Mr. Nguyen Van Chung</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the Board of Directors</i>	8.851.800	30,16%	-Chủ tịch HĐQT tại công ty cổ phần Sorbitol Pháp - Việt/ <i>Chairman of the Board of Directors at Sorbitol France - Vietnam Joint Stock Company</i> - Thành viên HĐQT tại Cty CP Pin ắc quy Miền Nam/ <i>Member of Board of Directors at</i>

					<i>Southern Battery Joint Stock Company</i>
2	Bà Vũ Thanh Thủy <i>Ms. Vu Thanh Thuy</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	5.870.000	20%	-Phó chánh Văn phòng Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam/ <i>Deputy Chief of Office of Vietnam Chemical Group</i> -Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần ắc quy Tia Sáng/ <i>Member of Board of Supervisors of Tia Sang Battery Joint Stock Company</i>
3	Ông Trịnh Anh Phong <i>Mr. Trinh Anh Phong</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	8.218.000	28%	Không có/ <i>None</i>
4	Ông Đỗ Trọng Tín <i>Mr. Do Trong Tin</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	5.870.000	20%	Không có/ <i>None</i>
5	Ông Tạ Mạnh Hiền <i>Mr. Ta Manh Hien</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	2.700	0.009%	Không có/ <i>None</i>

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có/ *Subcommittees of the Board of Directors: None*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Board of Directors Activities:*

Trong năm 2024, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo điều hành trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh thông qua việc tổ chức các cuộc họp thường kỳ, ra các Nghị quyết/Quyết định trong phạm vi thẩm quyền, phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc trong việc đưa ra chiến lược kinh doanh và công tác quản lý mọi mặt hoạt động của Công ty./ *In 2024, the Board of Directors has effectively promoted its leadership role in orienting and developing business plans through organizing regular meetings, issuing Resolutions/Decisions within its authority, closely coordinating with the Board of Directors in developing business strategies and managing all aspects of the Company's operations.*

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2024/ Board of Directors Meetings in 2024:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông Trần Anh Vũ <i>Mr. Tran Anh Vu</i>	2/2	100%	Kết thúc nhiệm kỳ sau Đại Hội cổ đông T4/2024

				<i>End of term after General Meeting of Shareholders April 2024</i>
2	Ông Nguyễn Đình Khoát <i>Mr. Nguyen Dinh Khoat</i>	7/7	100%	Kết thúc nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ bất thường T10/2024 <i>End of term after extraordinary General Meeting of Shareholders October 2024</i>
3	Ông Nguyễn Văn Chung <i>Mr. Nguyen Van Chung</i>	3/3	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ bất thường T10/2024 <i>Start of term after Extraordinary General Meeting of Shareholders October 2024</i>
4	Ông Trịnh Anh Phong <i>Mr. Trinh Anh Phong</i>	12/12	100%	
5	Ông Đỗ Trọng Tín <i>Mr. Do Trong Tin</i>	12/12	100%	
6	Ông Tạ Mạnh Hiền <i>Mr. Ta Manh Hien</i>	12/12	100%	

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2024/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2024:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	14/NQ-HĐQT-SVG/2024	22/01/2024	Nghị quyết HĐQT: Về việc vay vốn ngắn hạn tại Vietcombank Chi nhánh TP.HCM (VCB HCM) <i>Resolution of the Board of Directors: On short-term loans at Vietcombank Ho Chi Minh City Branch (VCB HCM)</i>	100%
2	15/NQ-HĐQT	22/01/2024	Nghị quyết HĐQT -Về việc phê duyệt Kế hoạch ĐTXD năm 2024	100%

			<i>Resolution of the Board of Directors - On approval of the 2024 Construction Investment Plan</i>	
3	45/QĐ-HĐQT	06/03/2024	Quyết định phê duyệt BCKTKT máy nén 1500 <i>Decision to approve technical report of compressor 1500</i>	100%
4	54/NQ-HĐQT	12/03/2024	Nghị quyết HĐQT: Về việc Ủy quyền TGD thực hiện các bước tiếp theo của dự án Đầu tư máy nén không khí dây chuyền 1500Nm3/h <i>Resolution of the Board of Directors: On authorizing the General Director to carry out the next steps of the project to invest in a 1500Nm3/h air compressor line</i>	100%
5	65/NQ-HĐQT	15/03/2024	Nghị quyết HĐQT Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện 2023 <i>Resolution of the Board of Directors Approving the Salary Fund for implementation in 2023</i>	100%
6	85/NQ-HĐQT	04/04/2024	Nghị quyết HĐQT phê duyệt Quy chế mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Hoi kỹ nghệ Que hàn. <i>Resolution of the Board of Directors approving the Regulation on working relationship between the Party Committee, Board of Directors and General Director of Industrial Gases and Welding Rods Joint Stock Company.</i>	100%
7	86/QĐ-HĐQT	04/04/2024	Quyết định ban hành Quy chế mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Hoi kỹ nghệ Que hàn. <i>Decision to promulgate the Regulation on working relationship between the Party Committee, Board of Directors and General Director of Industrial Gases and Welding Rods Joint Stock Company.</i>	100%
8	87/NQ-HĐQT	04/04/2024	Nghị quyết HĐQT: Về việc gửi thông báo mời họp ĐHCĐ 2024 <i>Resolution of the Board of Directors:</i>	100%

			<i>Regarding sending invitation to the 2024 Shareholders' Meeting</i>	
9	108/QĐ-HĐQT	22/04/2024	<p>Quyết định: Về việc danh sách các nhân sự Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024</p> <p><i>Decision: On the list of personnel for the Organizing Committee of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i></p>	100%
10	109/QĐ-HĐQT	22/04/2024	<p>Quyết định: Về việc danh sách các nhân sự Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024</p> <p><i>Decision: On the list of personnel for the Shareholders' Qualification Examination Board at the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i></p>	100%
11	110/QĐ-HĐQT	22/04/2024	<p>Quyết định - Về việc danh sách các nhân sự Tổ giúp việc hỗ trợ Ban tổ chức tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024</p> <p><i>Decision - On the list of personnel of the Support Team to support the Organizing Committee at the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i></p>	100%
12	122/2024-NQ-ĐHĐCĐ	27/04/2024	<p>Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2024</p> <p><i>Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i></p>	100%
13	124/NQ-HĐQT	27/04/2024	<p>Nghị quyết HĐQT - bầu Chủ tịch HĐQT</p> <p><i>Board Resolution - Election of Chairman of the Board</i></p>	100%
14	143/NQ-HĐQT	16/05/2024	<p>Nghị quyết HĐQT – ngày 16/05/2024</p> <p><i>Board Resolution – May 16, 2024</i></p>	100%
15	147/QĐ-HĐQT	17/05/2024	<p>Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Thư Ký Cty CP HKN Que Hàn (Bà Bùi Thanh Diễm)</p> <p><i>Decision on dismissal from the position of Secretary of HKN Que Han Joint Stock Company (Ms. Bui Thanh Diem)</i></p>	100%

16	148/QĐ-HĐQT	17/05/2024	<p>QĐ về việc bổ nhiệm chức vụ Thư Ký Cty CP HKN Que Hàn (Bà Đặng Thị Duyên Nghĩa)</p> <p><i>Decision on appointment of Secretary of HKN Que Han Joint Stock Company (Ms. Dang Thi Duyen Nghia)</i></p>	100%
17	186/NQ-HĐQT	21/06/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận cho công ty vay vốn ngắn hạn tại NH TMCP Công Thương VN CN01, HCM</p> <p><i>Resolution: On approving the company to borrow short-term capital at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Branch 01, HCM</i></p>	100%
18	189/NQ-HĐQT	21/06/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt đơn vị Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024</p> <p><i>Resolution: On approving the unit to review the Interim Financial Statements and Audit the Financial Statements for the fiscal year ending December 31, 2024</i></p>	100%
19	191/NQ-HĐQT	21/06/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận triển khai đầu tư hệ thống PCCC tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư năm 2024</p> <p><i>Resolution: On approving the implementation of investment in fire protection system at Can Tho Industrial Gas Enterprise in the investment preparation plan for 2024</i></p>	100%
20	194/NQ-HĐQT	21/06/2024	<p>Nghị quyết Thông qua Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình "Đầu tư lắp đặt bổ sung Trạm nạp CO2 và Argon tại XN Que hàn điện Khánh Hội"</p> <p><i>Resolution Approving the Technical Economic Report of the project "Investment in installing additional CO2 and Argon filling stations at Khanh Hoi Electric Welding Rod Factory"</i></p>	100%
21	195/QĐ-HĐQT	21/06/2024	<p>Quyết định: phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình "Đầu tư lắp đặt bổ sung</p>	100%

			<p>Trạm nạp CO2 và Argon tại XN Que hàn điện Khánh Hội"</p> <p><i>Decision: Approving the Technical Economic Report of the project "Investment in installing additional CO2 and Argon filling stations at Khanh Hoi Electric Welding Rod Factory"</i></p>	
22	206/NQ-HĐQT	21/06/2024	<p>Nghị quyết: Về việc Thông qua chấp thuận chủ trương đề Tổng Giám Đốc ký kết Hợp đồng, giao dịch với "Người có liên quan".</p> <p><i>Resolution: On approving the policy for the General Director to sign Contracts and transactions with "Related Persons".</i></p>	100%
23	211/NQ-HĐQT - SVG/2024	24/06/2024	<p>Nghị quyết: Về việc Thông qua BC KTKT công trình "Đầu tư lắp đặt Bổ sung Trạm nạp CO2 và Argon tại XN QHĐ Khánh Hội"</p> <p><i>Resolution: On Approval of the Technical Report of the project "Investment in installation of additional CO2 and Argon filling station at Khanh Hoi Power Plant"</i></p>	100%
24	212/QĐ-HĐQT	24/06/2024	<p>Quyết định: Về việc Thông qua BC KTKT công trình "Đầu tư lắp đặt Bổ sung Trạm nạp CO2 và Argon tại XN QHĐ Khánh Hội"</p> <p><i>Decision: On Approval of the Technical and Economic Report of the project "Investment in installation of additional CO2 and Argon filling station at Khanh Hoi Power Plant"</i></p>	100%
25	213/NQ-HĐQT	24/06/2024	<p>Về việc phê duyệt Danh sách nhân sự (sau khi rà soát, bổ sung) quy hoạch các chức danh lãnh đạo các phòng và chi nhánh trực thuộc Công ty CP Hoi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2021-2026.</p> <p><i>On approving the list of personnel (after reviewing and supplementing) planning the leadership positions of departments and branches under the Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company for the period 2021-2026.</i></p>	100%

26	214/NQ-HĐQT	24/06/2024	<p>Về việc phê duyệt Danh sách nhân sự (sau khi rà soát, bổ sung) quy hoạch các chức danh lãnh đạo phòng và chi nhánh trực thuộc Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2026-2031</p> <p><i>On approving the list of personnel (after reviewing and supplementing) planning the leadership positions of departments and branches under the Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company for the period 2026-2031</i></p>	100%
27	215/QĐ-HĐQT	24/06/2024	<p>Quyết định: Về việc phê duyệt Danh sách nhân sự (sau khi rà soát, bổ sung) quy hoạch các chức danh lãnh đạo các phòng và chi nhánh trực thuộc Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2021-2026.</p> <p><i>Decision: On approving the list of personnel (after reviewing and supplementing) planning the leadership positions of departments and branches under the Welding Electrode Industrial Gas Joint Stock Company for the period 2021-2026.</i></p>	100%
28	216/QĐ-HĐQT	24/06/2024	<p>Quyết định: Về việc phê duyệt Danh sách nhân sự (sau khi rà soát, bổ sung) quy hoạch các chức danh lãnh đạo phòng và chi nhánh trực thuộc Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2026-2031</p> <p><i>Decision: On approving the list of personnel (after reviewing and supplementing) planning the leadership positions of departments and branches under the Welding Rod Industrial Gas Joint Stock Company for the period 2026-2031</i></p>	100%
29	264NQ-HĐQT-SVG2024	14/08/2024	<p>Nghị quyết: Về việc Chấp thuận cho tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024</p> <p><i>Resolution: Approval for holding Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024</i></p>	100%
30	276/NQ-HĐQT	29/08/2024	<p>Nghị quyết: Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Lắp đặt HT PCCC của Xí nghiệp HKN Cần Thơ</p>	100%

			<i>Resolution: On Approval of the contractor selection plan for the project: Fire protection system installation of Can Tho Industrial Park Enterprise</i>	
31	277/QĐ-HĐQT	29/08/2024	<p>Quyết định: Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Lắp đặt HT PCCC của Xí nghiệp HKN Cần Thơ</p> <p><i>Decision: On approving the contractor selection plan for the project: Fire protection system installation of Can Tho Industrial Park Enterprise</i></p>	100%
32	290/NQ-HĐQT	12/09/2024	<p>Nghị quyết: Về việc Phê duyệt các nội dung, chương trình họp và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024</p> <p><i>Resolution: On Approval of contents, meeting agenda and documents submitted to the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders</i></p>	100%
33	313/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt cho thanh lý Tài sản cố định – TSCĐ năm 2024 Tại Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương, Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Cần Thơ và Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội</p> <p><i>Resolution: On approving the liquidation of Fixed Assets - Fixed Assets in 2024 at Binh Duong Industrial Gas Welding Rod Enterprise, Can Tho Industrial Gas Enterprise and Khanh Hoi Electric Welding Rod Enterprise</i></p>	100%
34	314/QĐ-HĐQT	21/09/2024	<p>Quyết định: Về việc phê duyệt cho thanh lý Tài sản cố định – TSCĐ năm 2024 Tại Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương, Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Cần Thơ và Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội</p> <p><i>Decision: On approval for liquidation of Fixed Assets - Fixed Assets in 2024 at Binh Duong Industrial Gas Welding Rod Enterprise, Can Tho Industrial Gas Enterprise and Khanh Hoi Electric Welding Rod Enterprise</i></p>	100%

35	315/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt cho mua xe bồn thanh lý dung tích 10.000L</p> <p><i>Resolution: On approval of purchase of liquidated tanker with capacity of 10.000L</i></p>	100%
36	317/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt bổ sung vào danh mục Công trình chuẩn bị đầu tư trong Kế hoạch ĐTXD năm 2024: “Đầu tư 01 bồn chứa lỏng di động 25m3”</p> <p><i>Resolution: On approving the addition to the list of projects preparing for investment in the 2024 Construction Investment Plan: "Investing in 01 25m3 mobile liquid tank"</i></p>	100%
37	318/QĐ-HĐQT	21/09/2024	<p>Quyết định: Về việc chấp thuận phê duyệt bổ sung vào danh mục Công trình chuẩn bị đầu tư trong Kế hoạch ĐTXD năm 2024: “Đầu tư 01 bồn chứa lỏng di động 25m3”</p> <p><i>Decision: On approving the addition to the list of projects preparing for investment in the 2024 Construction Investment Plan: "Investing in 01 25m3 mobile liquid tank"</i></p>	100%
38	319/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt nội dung trong Văn bản điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 30/7/2024 tại Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội</p> <p><i>Resolution: On approving the content in the Document amending the Investment Registration Certificate dated July 30, 2024 at Khanh Hoi Electric Welding Rod Enterprise</i></p>	100%
39	320/QĐ-HĐQT	21/09/2024	<p>Quyết định: Về việc chấp thuận phê duyệt nội dung trong Văn bản điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 30/7/2024 tại Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội</p> <p><i>Decision: On approving the content in the Document amending the Investment Registration Certificate dated July 30,</i></p>	100%

			2024 at Khanh Hoi Electric Welding Rod Enterpris	
40	321/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt chủ trương giao nhiệm vụ Phụ trách Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Biên Hòa_Cù Huy Cận</p> <p><i>Resolution: On approving the policy of assigning the task of being in charge of Bien Hoa Industrial Gas Enterprise_Cu Huy Can</i></p>	100%
41	322/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt chủ trương giao nhiệm vụ Phụ trách Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ NT, PR_Nguyễn Thị Minh Thu</p> <p><i>Resolution: On approving the policy of assigning the task of being in charge of NT Industrial Steam Enterprise, PR_Nguyen Thi Minh Thu</i></p>	100%
42	324/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Bổ nhiệm lại Phó phòng Kỹ Thuật và Phó Giám đốc Xí nghiệp HKN Cần Thơ</p> <p><i>Resolution: Reappointment of Deputy Head of Technical Department and Deputy Director of Can Tho Aircraft Factory</i></p>	100%
43	325/NQ-HĐQT	21/09/2024	<p>Nghị quyết: Chấp thuận phê duyệt thành lập Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra tư cách, Tổ giúp việc Ban Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2024</p> <p><i>Resolution: Approval of the establishment of the Organizing Committee, Qualification Examination Committee, and Working Group to assist the Organizing Committee of the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders</i></p>	100%
44	326/QĐ-HĐQT	21/09/2024	<p>Quyết định: Ban Tổ chức ĐHĐCĐ Bất thường 2024</p> <p><i>Decision: Organizing Committee of Extraordinary General Meeting of Shareholders 2024</i></p>	100%

45	327/QĐ-HĐQT	21/09/2024	Quyết định: Ban Kiểm tra tư cách ĐHĐCĐ Bất thường 2024 <i>Decision: Board of Examiners of Qualifications of Extraordinary General Meeting of Shareholders 2024</i>	100%
46	328/QĐ-HĐQT	21/09/2024	Quyết định: Tổ giúp việc ĐHĐCĐ Bất thường 2024 <i>Decision: Working Group for Extraordinary General Meeting of Shareholders 2024</i>	100%
47	346/NQ-ĐHĐCĐ	02/10/2024	Nghị quyết: ĐHĐCĐ Bất thường năm 2024 <i>Resolution: Extraordinary General Meeting of Shareholders 2024</i>	100%
48	348/NQ-HĐQT	02/10/2024	Nghị quyết: Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 <i>Resolution: Election of Chairman of the Board of Directors for the 2020 - 2025 term</i>	100%
49	394/NQ-HĐQT	18/11/2024	Nghị quyết: Về việc chấp thuận phê duyệt dự toán và Đơn vị được đề nghị chỉ định thầu rút gọn của Gói thầu: Lắp đặt hệ thống PCCC tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ <i>Resolution: On approving the budget and the proposed Unit to be appointed as the shortened contractor of the Package: Installation of fire protection system at Can Tho Industrial Gas Enterprise</i>	100%
50	395/QĐ-HĐQT	18/11/2024	Quyết định: Về việc phê duyệt dự toán và Đơn vị được đề nghị chỉ định thầu rút gọn của Gói thầu: Lắp đặt hệ thống PCCC tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ <i>Decision: On approving the estimate and the proposed Unit to be appointed as the shortened contractor of the Package: Installation of fire protection system at Can Tho Industrial Gas Enterprise</i>	100%
51	411/NQ-HĐQT	03/12/2024	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 03/12/2024	100%

			<i>Resolution of the Board of Directors meeting on December 3, 2024</i>	
52	412/QĐ-HĐQT	03/12/2024	Quyết định Ban hành Quy chế CBTT ngày 03/12/2024 <i>Decision on Issuing the Information Disclosure Regulations dated December 3, 2024</i>	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trong HĐQT: Không có./ *Activities of independent Board members and subcommittees in the Board of Directors: None.*

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Cty: Không có./ *List of Board members with corporate governance training certificates: None*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors:

STT NO	Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/ <i>Voting shares</i>	
			Số cổ phần/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership ratio</i>
1	Bà Bà Đặng Thúy Nga <i>Mrs. Dang Thuy Nga</i>	Trưởng BKS/Head <i>of the Supervisory Board</i>	2.700	0.009%
2	Bà Mai Thị Lý <i>Mrs. Mai Thi Ly</i>	Trưởng BKS/Head <i>of the Supervisory Board</i>	200	0,0007%
3	Bà Võ Hồng Nhung <i>Ms. Vo Hong Nhung</i>	Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	2.000	0.007%
4	Ông Trương Tuấn Nghĩa <i>Mr. Truong Tuan Nghia</i>	Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Board of Control Activities:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể/ *In 2024, the Board of Supervisors has supervised the Company's operations according to the functions and tasks stipulated in the Company's Charter of Organization and Operation. Specifically:*

+ Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty./ *Supervise the operations and compliance with the provisions of law and the Company's charter for the Board of Directors and Executive Board in the management and operation of the Company.*

+ Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc./ *Check the issuance and implementation of Resolutions and Decisions of the Board of Directors and the Board of General Directors.*

+ Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo kiểm toán năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán tài chính hiện hành./ *Check the accuracy, honesty and legality in preparing periodic financial reports and annual audit reports to assess the honesty and reasonableness of financial data in accordance with current financial accounting standards and regimes.*

+ Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty tại một số Xí nghiệp./ *Control the production and business activities, compliance with the law and the Company's regulations at a number of Enterprises.*

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty theo đúng quy định của pháp luật./ *Control compliance with regulations on information disclosure of the company in accordance with the law.*

- Ban Kiểm soát thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ./ *The Board of Supervisors performs other tasks according to its functions and duties.*

- Cuộc họp của BKS/ *Board of Supervisors meeting:*

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Bà Đặng Thúy Nga <i>Ms. Nga Thuy Dang</i>	1/3	30%	30%	Kết thúc nhiệm kỳ sau Đại Hội cổ đông <i>End of term after Shareholders' Meeting</i>
2	Bà Mai Thị Lý <i>Ms. Ly Thi Mai</i>	2/3	67%	67%	Bắt đầu nhiệm kỳ sau Đại Hội cổ đông <i>Start of term after Shareholders' Meeting</i>
3	Bà Võ Hồng Nhung <i>Ms. Nhung Hong Vo</i>	3/3	100%	100%	
4	Ông Trương Tuấn Nghĩa <i>Mr. Nghia Tuan Truong</i>	3/3	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS/ *Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors and the Board of Supervisors:*

a) Thù lao của HĐQT, BKS/ *Remuneration of the Board of Directors and Supervisory Board:*

Chế độ lương, thưởng, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS được hưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với chính sách lương, thưởng của Công ty./ *The salary, bonus and remuneration regime of the members of the Board of Directors and the Board of Supervisors is in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders and in accordance with the salary and bonus policy of the Company.*

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Transactions with the other related parties as follows:

	Position	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Remuneration of key management persons			
Remuneration of the Board of Directors			
- Nguyen Van Chung	Chairman (Appointed on 2 October 2024)	15,000,000	-
- Nguyen Dinh Khoat	Chairman (Appointed on 27 April 2024 Resigned on 02 October 2024)	25,000,000	-
- Tran Anh Vu	Chairman (Resigned on 27 April 2024)	20,000,000	31,024,000
- Tran Thang	Chairman (Resigned on 22 April 2023)		15,512,000
- Trinh Anh Phong	Member	48,000,000	41,580,000
- Vu Thanh Thuy	Member	48,000,000	41,580,000
- Do Trong Tin	Member	48,000,000	41,580,000
- Ta Manh Hien	Member	48,000,000	41,580,000
		252,000,000	212,856,000
Remuneration of Supervisory Board			
- Dang Thuy Nga	Head of the Supervisory Board (Resigned on 27 April 2024)	84,000,000	195,720,000
- Mai Thi Ly	Head of the Supervisory Board (Appointed on 27 April 2024)	32,000,000	-
- Truong Tuan Nghia	Member	42,000,000	24,000,000
- Nguyen Thi Thuy Duong	Member (Resigned on 22 April 2024)	-	12,000,000
- Vo Hong Nhung	Member	42,000,000	36,000,000
		200,000,000	267,720,000
Salary, reward of General Director and the other managers			
- Trinh Anh Phong	General Director	312,000,000	232,680,000
- Ta Manh Hien	Deputy General Director	276,000,000	207,900,000
- Mai Tu Phuong	Chief Accountant	252,000,000	195,720,000
		840,000,000	636,300,000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có/ *Insider stock transactions: None*

c) Hợp đồng giao dịch với người nội bộ: Không có/ *Insider trading contracts: None*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành./ *Assessment of implementation of corporate governance regulations: Compliance with current legal regulations.*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial reports:*

1. Ý kiến của kiểm toán/ Auditor's opinion:

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính./ *In our opinion, except for the effects of the matter described in the Basis for Qualified Opinion paragraph, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Company as at 31 December 2024, its operating results and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements.*

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/ Audited financial statements:



FINANCIAL STATEMENTS

INDUSTRIAL GAS AND WELDING ELECTRODE JOINT STOCK COMPANY

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

(audited)

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

CONTENTS

	Page
Reports of the Board of Management	02 - 03
Independent Auditors' Report	04 - 05
Audited Financial Statements	06 - 45
Statement of Financial Position	06 - 07
Statement of Income	08
Statement of Cash flows	09 - 10
Notes to the Financial Statements	11 - 45

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company ("Company") presents its report and Company's Financial Statements for the fiscal year ended as at 31/12/2024.

COMPANY

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company was established under the Enterprise Registration Certificate with Enterprise Code No. 0300422482 issued by Ho Chi Minh Department of Planning and Investment for the 1st time on 23 January 2007, amended for the 12th time on 08 June 2023.

Company's head office is located at: No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City.

THE BOARD OF DIRECTORS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Directors during the year and to the reporting date are:

Mr. Nguyen Van Chung	Chairman	(Appointed on 02 October 2024)
Mr. Nguyen Dinh Khoat	Chairman	(Appointed on 27 April 2024)
		Resigned on 02 October 2024
Mr. Tran Anh Vu	Chairman	(Resigned on 27 April 2024)
Mr. Trinh Anh Phong	Member	
Mrs. Vu Thanh Thuy	Member	
Mr. Do Trong Tin	Member	
Mr. Ta Manh Hien	Member	

Members of the Board of Management operated Company during the year and to the reporting date are:

Mr. Trinh Anh Phong	General Director
Mr. Ta Manh Hien	Deputy General Director

Members of the Board of Supervision are:

Mrs. Mai Thi Ly	Head of the Supervisory Board	(Appointed on 27 April 2024)
Mrs. Dang Thuy Nga	Head of the Supervisory Board	(Resigned on 27 April 2024)
Mr. Truong Tuan Nghia	Member	
Mrs. Vo Hong Nhung	Member	

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and until the preparation of Financial Statements is Mr. Trinh Anh Phong - General Directors as well as a member of the Board of Directors of Company.

AUDITORS

The auditors of AASC Auditing Firm Company Limited have taken the audit of Financial Statements for Company.



No: 240325.008 /BCTC.KT7

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: Shareholders, the Board of Directors and the Board of Management
Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company

We have audited the accompanying Financial Statements of Company prepared on 24 March 2025, from page 06 to page 45, including: Statement of Financial Position as at 31 December 2024, Statement of Income, Statement of Cash flows, Notes to the Financial Statements for the fiscal year as at 31 December 2024.

The Board Of Management's Responsibility

The Board of Management Company is responsible for the preparation and presentation of Financial Statements of Company that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of Financial Statements interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with standards and ethical requirements; plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to Company's preparation and presentation of Financial Statements that give a true and fair view in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our qualified audit opinion.

Basis for Qualified Opinion

- The company is recognizing employee receivables for the excess expenses of salaries and year-end bonuses to employees as of January 1, 2024, and December 31, 2024, respectively VND 8,743 million and VND 12,326 million (Details in notes No. 06). Based on the audit procedures performed, we were unable to assess the appropriateness and recoverability of these receivables as well as the impact of this matter on other related items in the financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024.
- The outstanding raw materials as of 1 January 2024 and 31 December 2024, amounting to 1,161 million VND, for which no provision for devaluation has been made. Based on the documents and evidence obtained, as well as the audit procedures carried out, we are unable to assess the impact of this issue on the financial statements for the fiscal year ending December 31, 2024.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



aasc.com.vn

AASC AUDITING FIRM

4

Qualified Opinion

In our opinion, except for the effects of the matter described in the Basis for Qualified Opinion paragraph, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Company as at 31 December 2024, its operating results and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements.

Emphasis of Matter

We would like to draw readers' attention to notes No. 22 of the Financial Statements, which details that the Company is utilizing 4 lots of land in Hai Phong City under an annual land lease arrangement. However, the Company has not yet entered into a formal land lease agreement.

This matter of emphasis does not alter our qualified opinion.

Other Matter

The financial statements of Company for the fiscal year ending on 31 December 2023 were reviewed and audited by Auditor of Vietnam Auditing & Evaluation Company Limited. The auditor expressed an qualified opinion on the financial statements on 13 March 2024, regarding the receivables from employees due to excess salary and Tet bonus payments as of 31 December 2023, amounting to VND 8,743 million.

AASC Auditing Firm Company Limited



Nguyễn Ngọc Lan
Deputy General Director
Registered Auditor
No. 1427-2023-002-1
Hanoi, 24-March 2025

Bui Thi Loan
Auditor
Registered Auditor
No. 4927-2022-002-1



Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. CURRENT ASSETS		122,268,869,445	134,148,445,185
110	I. Cash and cash equivalents	03	7,896,499,838	10,045,346,740
111	1. Cash		7,896,499,838	10,045,346,740
130	II. Short-term receivables		75,722,067,943	84,966,958,607
131	1. Short-term trade receivables	04	54,914,063,796	61,054,382,502
132	2. Short-term prepayments to suppliers	05	4,284,140,100	5,891,894,279
136	3. Other short-term receivables	06	19,263,563,808	19,883,114,291
137	4. Provision for short-term doubtful debts		(3,114,494,323)	(2,237,227,027)
139	5. Shortage of assets awaiting resolution	07	374,794,562	374,794,562
140	III. Inventories	09	37,848,342,666	37,521,080,529
141	1. Inventories		37,848,342,666	37,521,080,529
150	IV. Other short-term assets		801,958,998	1,615,059,309
151	1. Short-term prepaid expenses	14	163,056,000	-
153	2. Taxes and other receivables from the State budget	18	638,902,998	1,615,059,309
200	B. NON-CURRENT ASSETS		268,792,415,107	283,815,228,328
210	I. Long-term receivables		779,825,442	849,950,442
216	1. Other long-term receivables	06	779,825,442	849,950,442
220	II. Fixed assets		257,223,070,134	271,784,646,937
221	1. Tangible fixed assets	11	217,301,487,497	227,564,331,984
222	- Historical cost		653,798,253,627	652,418,534,995
223	- Accumulated depreciation		(436,496,766,130)	(424,854,203,011)
224	2. Finance lease fixed assets	12	19,511,405,520	23,014,760,352
225	- Historical cost		26,054,578,954	28,031,734,636
226	- Accumulated depreciation		(6,543,173,434)	(5,016,974,284)
227	3. Intangible fixed assets	13	20,410,177,117	21,205,554,601
228	- Historical cost		32,472,305,406	32,472,305,406
229	- Accumulated amortization		(12,062,128,289)	(11,266,750,805)
240	III. Long-term assets in progress	10	866,995,619	3,336,468,062
242	1. Construction in progress		866,995,619	3,336,468,062
260	IV. Other long-term assets		9,922,523,912	7,844,162,887
261	1. Long-term prepaid expenses	14	9,922,523,912	7,844,162,887
270	TOTAL ASSETS		391,061,284,552	417,963,673,513

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024
(Continued)

Code	CAPITAL	Note	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. LIABILITIES		87,353,609,486	114,971,775,319
310	I. Current Liabilities		68,168,404,269	93,605,640,351
311	1. Short-term trade payables	16	5,101,672,611	6,974,094,217
312	2. Short-term prepayments from customers	17	834,859,570	1,044,176,776
313	3. Taxes and other payables to State budget	18	262,192,279	158,796,964
315	4. Short-term accrued expenses	19	2,307,409,805	2,386,354,096
319	5. Other short-term payables	20	87,903,900	69,926,000
320	6. Short-term borrowings and finance lease liabilities	15	59,366,587,899	82,574,835,372
322	7. Bonus and welfare fund		207,778,205	397,456,926
330	II. Non-current liabilities		19,185,205,217	21,366,134,968
331	1. Long-term trade payables	16	998,311,313	998,311,313
337	2. Other long-term payables	20	13,918,525,152	15,573,204,317
338	3. Long-term borrowings and finance lease liabilities	15	4,268,368,752	4,794,619,338
400	D. OWNER'S EQUITY		303,707,675,066	302,991,898,194
410	I. Owner's equity	21	303,707,675,066	302,991,898,194
411	1. Contributed capital		293,500,000,000	293,500,000,000
411a	Ordinary shares with voting rights		293,500,000,000	293,500,000,000
418	2. Development and investment funds		6,081,599,186	6,081,599,186
421	3. Retained earnings		4,126,075,880	3,410,299,008
421a	Retained earnings accumulated to the previous year		3,410,299,008	3,292,165,564
421b	Retained earnings of the current year		715,776,872	118,133,444
440	TOTAL CAPITAL		391,061,284,552	417,963,673,513

Preparer

Do Ba Thong

Chief Accountant

Mai Tu Phuong

Ho Chi Minh, 24 March 2025

General Director
CÔNG TY
CÓ PHẦN
HỢI KỸ NGHỆ
QUÊ HẠM
TỈNH HO CHI MINH

Tuấn Anh Phong

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

STATEMENT OF INCOME

Year 2024

Code	ITEMS	Note	Year 2024 VND	Year 2023 VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	23	237,444,365,165	236,261,142,941
02	2. Revenue deductions	24	2,606,000	48,099,080
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services		237,441,759,165	236,213,043,861
11	4. Cost of goods sold and services rendered	25	204,302,231,470	199,038,066,494
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services		33,139,527,695	37,174,977,367
21	6. Financial income	26	29,072,378	71,651,683
22	7. Financial expense	27	5,425,848,398	8,397,762,543
23	<i>In which: Interest expense</i>		5,407,228,287	8,397,762,543
25	8. Selling expense	28	9,022,935,422	12,583,702,648
26	9. General and administrative expenses	29	20,151,575,638	16,516,226,312
30	10. Net profit from operating activities		(1,431,759,385)	(251,062,453)
31	11. Other income	30	2,818,925,455	521,270,574
32	12. Other expenses	31	366,834,296	11,135,879
40	13. Other profit		2,452,091,159	510,134,695
50	14. Total net profit before tax		1,020,331,774	259,072,242
51	15. Current corporate income tax expense	32	304,554,902	140,938,798
52	16. Deferred corporate income tax expense		-	-
60	17. Profit after corporate income tax		715,776,872	118,133,444
70	18. Basic earnings per share	33	24	4

Preparer

Do Ba Thong

Chief Accountant

Mal Tu Phuong

Ho Chi Minh, 24 March 2025

General Director



Trinh Anh Phong

STATEMENT OF CASH FLOWS

Year 2024
(Indirect method)

Code	ITEMS	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	1. Profit before tax		1,020,331,774	259,072,242
	2. Adjustments for		27,587,812,079	33,715,718,989
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		22,981,790,112	24,743,084,109
03	- Provisions		877,267,296	601,225,701
05	- Gains / losses from investment activities		(1,678,473,616)	(26,353,364)
06	- Interest expense		5,407,228,287	8,397,762,543
08	3. Operating profit before changes in working		28,608,143,853	33,974,791,231
09	- Increase/ decrease in receivables		9,172,056,951	1,614,839,041
10	- Increase/ decrease in inventories		(327,262,137)	1,212,384,051
11	- Increase/ decrease in payables (excluding interest payable/ corporate income tax payable)		(3,643,820,537)	(13,073,143,103)
12	- Increase/ decrease in prepaid expenses		(2,241,417,025)	3,081,322,383
14	- Interest paid		(5,457,396,803)	(8,432,248,226)
15	- Corporate income tax paid		(62,707,174)	(845,729,241)
16	- Other receipts from operating activities		42,441,279	3,000,000
17	- Other payments on operating activities		(232,120,000)	(208,000,000)
20	Net cash flow from operating activities		25,857,918,407	17,327,216,136
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(6,174,439,320)	(3,581,529,748)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		1,873,099,692	-
27	3. Interest and dividend received		29,072,378	26,353,364
30	Net cash flow from investing activities		(4,272,267,250)	(3,555,176,384)

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

STATEMENT OF CASH FLOWS

Year 2024
(Indirect method)

Code	ITEMS	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
(Continued)				
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			-	-
33	1. Proceeds from borrowings		137,577,597,872	141,636,019,929
34	2. Repayment of principal		(161,312,095,931)	(150,609,844,824)
35	3. Repayment of financial principal		-	(7,193,435,558)
40	Net cash flow from financing activities		(23,734,498,059)	(16,167,260,453)
50	Net cash flows in the year		(2,148,846,902)	(2,395,220,701)
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		10,045,346,740	12,440,567,441
70	Cash and cash equivalents at the end of the year		7,896,499,838	10,045,346,740

Preparer

Chief Accountant



Do Ba Thong



Mai Tu Phuong

Ho Chi Minh, 24 March 2025

General Director



Trinh Anh Phong



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Year 2024

1. GENERAL INFORMATION

Form of ownership

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company was established under the Enterprise Registration Certificate with Enterprise Code No. 0300422482 issued by Ho Chi Minh Department of Planning and Investment for the 1st time on 23 January 2007, amended for the 12nd time on 08 June 2023.

The company's head office is located at: No. 1-3, Nguyen Truong To street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City.

Charter capital of Company is: VND 293500000000.; equivalent 29350000. shares, par value of one share is VND 10.000.

The number of employees of Company as at 31 December 2024 is: 245 people (as at 31 December 2023 is: 251 people).

Business field

The company operates in the field of manufacturing and trading industrial gases and welding electrodes.

Business activities

Main business activities of Company are:

- Production of basic chemicals. Details: Production of industrial gases, medical gases, carbide, lightweight powders (CaCO₃), and products processed from carbide;
- Installation of machinery and industrial equipment. Details: Providing installation services and supplying equipment for industrial production lines; installing and supplying equipment for medical gas systems; installation, maintenance, inspection, and repair of firefighting pipeline systems;
- Road transportation of goods;
- Cargo handling;
- Wholesale trade of solid, liquid, gas fuels and related products. Details: Trading liquefied petroleum gas products;
- Wholesale trade of other specialized products not classified elsewhere. Details: Trading materials, spare parts for industrial gas systems, and welding electrodes. Trading industrial gases, medical gases, carbide, lightweight powders (CaCO₃), and products processed from carbide. Wholesale trade of other chemicals (excluding those used in agriculture);

Normal production and business cycle

- The company's typical production and business cycle is completed for a period of less than 12 months.

The Company's operation in the period that affects the Financial Statements

- In 2024, revenue from sales and service provision increased by VND 1,183 billion, equivalent to a 0.5% increase compared to the same period in 2023. However, the selling price of gas products significantly decreased compared to 2023 due to competition from FDI sectors, leading to a gross profit from sales and service provision decreasing by VND 4,035 billion, equivalent to a 10.9% decline compared to 2023.

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Corporate structure	
Company's member entities are as	Address
Bien Hoa Industrial Gas Factory	Bien Hoa 1 industrial park, An Binh ward, Bien Hoa city, Dong Nai province
Can Tho Industrial Gas Factory	Tra Noc industrial park, Tra Noc ward, Binh Thuy district, Can Tho city
Nha Trang Industrial Gas Factory	Dien Phu industrial cluster, Dien Phu commune, Dien Khanh district, Khanh Hoa province
Hai Phong Industrial Gas Factory	Quyet Thanh neighborhood, Minh Duc town, Thuy Nguyen district, Hai Phong city
Binh Duong Industrial Gas Factory	Dong An industrial park, Binh Hoa ward, Thuan An city, Binh Duong province
Trang Kenh Carbide and Chemicals Factory	Minh Duc town, Thuy Nguyen district, Hai Phong city
Khanh Hoi Welding Electrode Factory	Nhut Chanh industrial park, Nhut Chanh commune, Ben Luc district, Long An province
Phan Rang Industrial Gas Factory	Phuoc Nam industrial park, Phuoc Nam commune, Thuan Nam district, Ninh Thuan province

2. ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY AT COMPANY

2.1. Accounting period and accounting currency

Annual accounting period of Company commences from 1 January and ends as at 31 December.
The company maintains its accounting currency in Vietnam Dong (VND)

2.2. Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3. Basis for the preparation of Financial Statements

The Financial Statement is prepared based on historical cost principle.

In Financial Statements of Company, internal transactions and internal balances related to assets, liabilities, and receivables and payables, etc. have been fully eliminated.

The Financial Statements of Company are prepared based on the summarization of transactions incurred of dependent accounting entities and the head office of Company.

2.4. Accounting estimates

The preparation of Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the end of the the fiscal year and the reported amounts of revenues and expenses during the fiscal year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Estimated income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on Financial Statements of Company and that are assessed by the Board of Management of Company to be reasonable under the circumstance.

2.5. Financial Instruments

Initial recognition

Financial assets

Financial assets of Company include cash, trade receivables, other receivables. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

Financial liabilities

Financial liabilities of Company include borrowings, trade payables, other payables and accrued expenses. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

Subsequent measurement after initial recognition

Financial assets and financial liabilities are not revalued according to fair value at the end of the fiscal year because the Circular No.210/2009/TT-BTC and prevailing statutory regulations require to present Financial statements and Notes to financial instruments but not provide any relevant instruction for assessment and recognition of fair value of financial assets and financial liabilities.

2.6. Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the fiscal year are transferred into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Actual exchange rate when revaluating monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where Company regularly conducts transaction;
- For cash deposited in bank, applying the bid rate of the commercial bank where Company opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where Company regularly conducts transactions.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date will be recorded into the financial income or expense in the fiscal year.

2.7. Cash

Cash comprises cash on hand and demand deposit.

2.8. Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

2.9. Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the year is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.10. Fixed assets, Finance lease fixed assets

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at historical cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs augment future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost. Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statements of Income in the year in which the costs are incurred.

The historical cost of finance lease fixed assets is recognized at the lower of fair value and present value of the minimum lease payments plus any directly attributable costs incurred related with finance lease (exclusive of value added tax). During the using time, finance lease fixed assets are recorded at historical cost, accumulated depreciation and carrying amount. Finance lease fixed assets are depreciated over the lease term and charged to operating expenses in order to fully recover the capital.

Fixed assets are depreciated (amortised) using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	10 - 25 years
- Machinery, equipment	05 - 15 years
- Vehicles, Transportation equipment	08 - 10 years
- Office equipment and furniture	04 - 10 years
- Land use rights	50 years
- Management software	03 years

Fixed assets of finance leasing are depreciated using the straight-line method based on the estimated useful life. In the case where it is uncertain whether the company will have ownership of the asset at the end of the lease term, the asset will be depreciated over the shorter period between the lease term and the estimated useful life. The depreciation periods for the leased fixed assets are as follows:

- Machinery, equipment	15 years
- Vehicles, Transportation equipment	10 years

2.11. Construction in progress

Construction in progress includes fixed assets being purchased or built but not completed by the end of the fiscal year and recognized at historical cost. This includes construction, equipment installation, and other direct cost.

2.12. Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

2.13. Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting previous.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in the fiscal year should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses of Company include:

- Tools and supplies include assets which are possessed by the Company in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than VND 30 million and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 1 to 3 years.
- Major repair costs of fixed assets are recognized at historical cost and allocated using the straight-line method over a period of 3 years.
- Other prepaid expenses are recorded at their historical costs and allocated on the straight-line basis from 1 to 3 years.

2.14. Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.15. Borrowings and finance lease liabilities

The value of finance lease liabilities is recognized at the payable amount equal to the present value of minimum lease payments or the fair value of leased assets.

Borrowings and finance lease liabilities shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings and finance lease liabilities. In case of borrowings or liabilities denominated in foreign currency, they shall be recorded in details in terms of types of currency.

2.16. Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of Company.

The company allocates the following funds from its net profit after tax, based on the proposal of the Board of Directors and approved by the shareholders at the annual general meeting

- Development investment fund: This fund is established to serve the expansion of activities or in-depth investments of Company.
- Bonus and welfare fund and Executive reward fund: This fund is established to reward, incentivize, provide material encouragement, and enhance the welfare of employees. It is presented as a payable item on the Balance Sheet.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of Financial position after the announcement of dividend payment from the Board of Directors of Company and announcement of cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

2.17. Revenue

Revenue is recognized when the company has the ability to receive economic benefits that can be reliably measured.

Revenue is measured at the fair value of the consideration received excluding discounts, sales discounts, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Revenue from sale of goods:

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- Company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods.

Revenue from rendering of services:

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

Financial income

Financial incomes include income from assets yielding interests, royalties, dividends and other financial gains by the company shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

2.18. Revenue deductions

Revenue deductions from sales of goods and rendering of services arising in the year include: Sales returns.

Sales return incurred in the same period of sale of goods and rendering of services are recorded as a decrease in revenue in the incurring period. In case goods and services are sold in the previous periods, but until the next period they are incurred as deductible items, the Company records the decrease in revenue under the following principles: If it is incurred prior to the issuance of Financial Statements, it is then recorded as a decrease in revenue on the Financial Statements of the reporting period (the previous period); and if it is incurred after the issuance of Financial Statements, it is recorded as a decrease in revenue of incurring period (the next period).

2.19. Cost of goods sold

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

2.20. Financial expenses

Items recorded as financial expenses include:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Borrowing costs;

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

2.21. Corporate income tax

a) Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses
Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the year and current corporate income tax rate.

b) Current corporate income tax rate

The Company applies the corporate income tax rate of 20% for the operating activities which has taxable income for the fiscal year ended as at 31/12/2024.

2.22. Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the year attributable to ordinary shareholders of Company (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

2.23. Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of Company, or being under common control with Company, including Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of Company that have a significant influence on Company, key management personnel including directors and employees of Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Financial Statements, Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

2.24. Segment information

The company primarily operates in the field of basic chemical manufacturing, producing industrial gases, medical gases, carbide, light powders (CaCO₃), and products processed from quicklime within Vietnam's territory. The company does not prepare segment reports by geographic area.

3. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cash on hand	1,014,744,407	930,316,509
Demand deposits	6,881,755,431	9,115,030,231
	<u>7,896,499,838</u>	<u>10,045,346,740</u>

4. TRADE RECEIVABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Related parties</i>	2,656,227,814	-	2,627,836,635	-
- Binh Loi Rubber Factory - The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	2,431,579,694	-	2,411,906,695	-
- Can Tho Fertilizer and Chemical Joint Stock Company	8,128,500	-	5,508,000	-
- France - Vietnam Sorbital Joint Stock Company	204,570,500	-	204,570,500	-
- South Basic Chemicals Joint Stock Company	11,949,120	-	5,851,440	-
<i>Others</i>	52,257,835,982	(2,971,000,323)	58,426,545,867	(2,237,227,027)
- Phuong Manh Tu Company Limited	2,452,852,500	-	2,555,052,500	-
- Cho Ray Hospital	746,038,130	-	1,903,277,914	-
- Nhan Dan 115 Hospital	1,979,541,950	-	1,755,286,275	-
- Ba Ria Hospital	1,755,935,760	-	1,839,523,420	-
- Thu Duc city Hospital	1,950,385,268	-	1,591,313,768	-
- Pham Ngoc Thach Hospital	732,699,432	-	1,327,920,048	-
- Thong Nhat Hospital	166,199,040	-	1,125,987,588	-
- Other customers	42,474,183,902	(2,971,000,323)	46,328,184,354	(2,237,227,027)
	<u>54,914,063,796</u>	<u>(2,971,000,323)</u>	<u>61,054,382,502</u>	<u>(2,237,227,027)</u>

5. PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Related parties</i>	-	-	-	-
<i>Others</i>	4,284,140,100	-	5,891,894,279	-
- Nikkiso Clean Energy and Industrial Gases (Sea) Sdn. Bhd.	2,298,816,720	-	4,089,417,840	-
- Binh Dinh Minerals Joint Stock Company	725,000,000	-	-	-
- Other prepayments to suppliers	1,260,323,380	-	1,802,476,439	-
	<u>4,284,140,100</u>	<u>-</u>	<u>5,891,894,279</u>	<u>-</u>

6. OTHER RECEIVABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term				
a.1) Details by content				
- Receivables from equitization	94,740,000	-	60,000,000	-
- Receivables of input VAT on finance lease assets	440,999,638	-	751,783,855	-
- Receivables from employees (i)	12,326,013,985	-	8,743,628,959	-
- Mortgages (ii)	1,970,665,318	-	6,305,090,112	-
- Union fund	207,768,076	-	94,687,284	-
- Social insurance	107,738,054	-	121,698,384	-
- Advances to employees	3,966,644,737	-	3,606,942,697	-
- Other receivables	148,994,000	(143,494,000)	199,283,000	-
	19,263,563,808	(143,494,000)	19,883,114,291	-

(i) The balance as of 31 December 2024 includes

- Salaries paid to employees in 2023 exceeding the approved salary fund in 2023, amounting to VND 8,743,628,959;
- Salaries and Tet bonuses for 2023 paid to employees in 2024 exceeding the approved salary fund in 2023, amounting to VND 3,582,385,026.

(ii) The balance as of 31 December 2024 primarily consists of security deposits for contract performance.

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a.2) Detail by object				
Related parties	-	-	-	-
Others	19,263,563,808	(143,494,000)	19,883,114,291	-
- Vo Hong Nhung	486,910,849	-	458,401,437	-
- Nguyen Van Quyen	270,059,435	-	472,378,765	-
- Le Thi Phu Quy	320,321,586	-	180,722,756	-
- Other customers	18,186,271,938	(143,494,000)	18,771,611,333	-
	19,263,563,808	(143,494,000)	19,883,114,291	-

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
b) Long-term				
b.1) Details by content				
- Mortgages	779,825,442	-	849,950,442	-
	<u>779,825,442</u>	<u>-</u>	<u>849,950,442</u>	<u>-</u>
b.2) Detail by object				
Related parties	-	-	-	-
Others	779,825,442	-	849,950,442	-
- Vietcombank Leasing Company Limited	779,825,442	-	849,950,442	-
	<u>779,825,442</u>	<u>-</u>	<u>849,950,442</u>	<u>-</u>

7. SHORTAGE OF ASSETS AWAITING RESOLUTION

	31/12/2024	01/01/2024
	Value	Value
	VND	VND
- Inventories	374,794,562	374,794,562
	<u>374,794,562</u>	<u>374,794,562</u>

The shortage of inventory, valued at VND 374,794,562 was identified based on the inventory report for materials, tools, and goods dated 06 October 2023. As of the preparation of the financial statement, the company has not yet made any decision regarding the resolution of this shortage of inventory.

8. DOUBTFUL DEBTS

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
- Total value of receivables and debts that are overdue or not due but are difficult to be recovered	2,971,000,323	-	3,108,910,663	871,683,636
+ Trade receivables	601,720,624	-	601,720,624	-
Lisemco Joint Stock Company	792,904,862	-	792,904,862	555,033,403
Lisemco 5 Joint Stock Company	204,570,500	-	204,570,500	61,371,250
France - Vietnam Sorbitol Joint Stock Company	203,397,774	-	203,397,774	-
Tieu Quoc An	133,801,900	-	133,801,900	-
Vinashin - Ha Duc Joint Stock Company	94,875,000	-	94,875,000	-
Vietnam Haco Joint Stock Company	939,729,663	-	1,077,640,003	255,278,983
Others				

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
+ Other receivables	143,494,000	-	-	-
Vu Duc Phi	50,631,900	-	-	-
Trinh Thi Hieu	49,011,000	-	-	-
Others	43,851,100	-	-	-
	<u>3,114,494,323</u>	<u>-</u>	<u>3,108,910,663</u>	<u>871,683,636</u>

9. INVENTORIES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
- Raw materials	22,076,278,242	-	20,428,315,763	-
- Tools, supplies	680,569,292	-	884,141,609	-
- Finished goods	13,941,594,703	-	14,058,956,936	-
- Goods	1,149,900,429	-	2,149,666,221	-
	<u>37,848,342,666</u>	<u>-</u>	<u>37,521,080,529</u>	<u>-</u>

- The value of inventories that is unsold, damaged, sub-standard and non-consumable degraded at the end of the year: VND 1,161,201,145

On September 7, 2024, Typhoon No. 03 (international name Yagi) made landfall and affected provinces from Quang Ninh to Nam Dinh. The storm, accompanied by heavy rain and strong winds, caused damage to the inventory of the Trang Kenh Factory in Hai Phong. As of December 31, 2024, the company is still working with PVI Saigon Insurance Company to determine the compensation value for the loss. Therefore, the company has not made any adjustments related to this damage. (Detailed in note 36)

- The value of inventories pledged as collaterals for borrowings at the end of the year: VND 20,000,000,000

10. LONG-TERM ASSET IN PROGRESS /OR/ CONSTRUCTION IN PROGRESS

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Procurement of fixed assets	-	2,771,627,875
Procurement of liquefied gas tanker	-	2,527,500,000
Procurement of vibration testing equipment and speed converters	-	244,127,875
- Construction in progress	866,995,619	564,840,187
Construction design costs for Nha Trang factory	374,306,364	374,306,364
Survey and design costs for the company's office building	201,949,073	69,171,296
Construction of the fire protection system in Hai Phong	128,766,600	35,320,000
Other constructions in progress	161,973,582	86,042,527
	<u>866,995,619</u>	<u>3,336,468,062</u>

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

11. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery and equipment	Vehicles, transportation equipment	Fixed assets used in management	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Historical cost					
Beginning balance of the year	116,426,179,326	480,487,848,445	54,430,607,341	1,023,899,883	652,418,534,995
- Purchase in the year	-	6,059,712,963	2,584,198,800	-	8,643,911,763
- Increase in finance leased fixed assets	-	-	1,977,153,682	-	1,977,153,682
- Liquidation, disposal	(429,145,794)	(2,414,330,019)	(6,093,443,200)	(304,429,800)	(9,241,348,813)
Ending balance of the year	115,997,033,532	484,133,231,389	52,948,518,623	719,470,083	653,798,253,627
Accumulated depreciation					
Beginning balance of the year	69,041,055,337	308,872,632,129	46,019,780,662	920,734,883	424,854,203,011
- Depreciation in the year	3,492,511,187	14,058,789,699	2,584,977,375	13,170,000	20,149,448,261
- Increase in finance leased fixed assets	-	-	510,765,217	-	510,765,217
- Liquidation, disposal	(205,447,340)	(2,414,330,019)	(6,093,443,200)	(304,429,800)	(9,017,650,359)
Ending balance of the year	77,338,119,184	320,517,091,809	43,022,080,054	629,475,083	436,496,766,130
Net carrying amount					
Beginning balance of the year	47,385,123,989	171,615,216,316	8,460,826,679	103,165,000	227,564,331,984
Ending balance of the year	43,668,914,348	163,616,139,580	9,926,438,569	89,995,000	217,301,487,497

- The carrying amount of tangible fixed assets pledged as collaterals for borrowings at the end of the year: VND 121,939,495,357
- The cost of fully depreciated tangible fixed assets still in use at the end of the year: VND 225,710,225,991

12. FINANCE LEASE FIXED ASSETS

	Vehicles, transportation equipment VND	Other tangible fixed assets VND	Total VND
Historical cost			
Beginning balance of the year	17,054,805,846	10,976,928,790	28,031,734,636
- Fixed assets under finance lease purchased at the end of the lease term	-	(1,977,155,682)	(1,977,155,682)
Ending balance of the year	<u>17,054,805,846</u>	<u>8,999,773,108</u>	<u>26,054,578,954</u>
Accumulated depreciation			
Beginning balance of the year	2,876,492,151	2,140,482,133	5,016,974,284
- Depreciation in the year	1,136,987,056	899,977,311	2,036,964,367
- Depreciation of finance lease fixed assets purchased at the end of the lease term	-	(510,765,217)	(510,765,217)
- Reclassification of depreciation expense	80,181,375	(80,181,375)	-
Ending balance of the year	<u>4,093,660,582</u>	<u>2,449,512,852</u>	<u>6,543,173,434</u>
Net carrying amount			
Beginning balance	14,178,313,695	8,836,446,657	23,014,760,352
Ending balance	<u>12,961,145,264</u>	<u>6,550,260,256</u>	<u>19,511,405,520</u>

13. INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights VND	Computer software VND	Total VND
Historical cost			
Beginning balance of the year	31,703,828,206	768,477,200	32,472,305,406
Ending balance of the year	<u>31,703,828,206</u>	<u>768,477,200</u>	<u>32,472,305,406</u>
Accumulated amortization			
Beginning balance of the year	11,056,517,617	210,233,188	11,266,750,805
- Amortization in the year	699,317,834	96,059,650	795,377,484
Ending balance of the year	<u>11,755,835,451</u>	<u>306,292,838</u>	<u>12,062,128,289</u>
Net carrying amount			
Beginning balance	20,647,310,589	558,244,012	21,205,554,601
Ending balance	<u>19,947,992,755</u>	<u>462,184,362</u>	<u>20,410,177,117</u>

- Carrying amount of intangible fixed assets pledged as collaterals for borrowings at the end of the year: VND 12,581,439,293
- Cost of fully amortized intangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 0
- Value of land use rights includes:
 - + Land use rights at Dong An industrial park, Thuan An district, Binh Duong province, with a lease term of 44 years starting from 29 March 2002, an area of 17,255 m², and a depreciation period of 43 years.
 - + Land use rights at Nhut Chan industrial park, Ben Luc district, Long An province, with a lease term until 2 October 2057, an area of 11,900 m², and a depreciation period of 45 years.

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

14. PREPAID EXPENSES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dispatched tools and supplies	2,535,982,353	4,848,179,105
- Insurance premiums	171,157,826	246,227,588
- Prepaid expenses for factory and vehicle lease awaiting allocation	106,785,276	80,000,000
- Major repair of fixed assets	7,108,598,457	2,669,756,194
	<u>9,922,523,912</u>	<u>7,844,162,887</u>



Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Trung To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

15. BORROWINGS AND FINANCE LEASE LIABILITIES

	During the year				31/12/2024	
	01/01/2024		Amount can be paid		Amount can be paid	
	Value VND		Increase VND	Decrease VND	Value VND	VND
a) Short-term borrowings						
- Short-term debts	77,948,419,861		133,419,296,930	156,041,791,484	55,325,925,307	55,325,925,307
+ Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Branch 1 Ho Chi Minh city (1)	38,790,326,950		73,914,623,252	88,726,010,008	23,978,942,194	23,978,942,194
+ Asia Commercial Joint Stock Bank (2)	14,113,248,999		22,931,297,303	24,772,615,105	12,271,931,397	12,271,931,397
+ Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Branch Ho Chi Minh (3)	25,044,843,912		36,573,374,175	42,543,166,371	19,075,051,716	19,075,051,716
- Current portion of long-term debts	4,626,415,511		4,040,662,592	4,626,415,511	4,040,662,592	4,040,662,592
+ Asia Commercial Joint Stock Bank (4)	505,194,238		831,600,000	505,194,238	831,600,000	831,600,000
+ Vietcombank Leasing Company Limited (5)	4,121,221,253		3,209,062,592	4,121,221,253	3,209,062,592	3,209,062,592
	82,574,835,372	82,574,835,372	137,459,959,522	160,668,206,995	59,366,587,899	59,366,587,899
b) Long-term borrowings						
- Long-term debts	547,311,858	547,311,858	4,158,300,942	963,412,800	3,742,200,000	3,742,200,000
+ Asia Commercial Joint Stock Bank (4)	547,311,858	547,311,858	4,158,300,942	963,412,800	3,742,200,000	3,742,200,000
- Long-term finance lease liabilities	8,873,722,991	8,873,722,991	-	4,306,891,647	4,566,831,344	4,566,831,344
+ Vietcombank Leasing Company Limited (5)	8,873,722,991	8,873,722,991	-	4,306,891,647	4,566,831,344	4,566,831,344
	9,421,034,849	9,421,034,849	4,158,300,942	5,270,304,447	8,309,031,344	8,309,031,344
Amount due for settlement within 12 months	(4,626,415,511)	(4,626,415,511)	(4,040,662,592)	(4,626,415,511)	(4,040,662,592)	(4,040,662,592)
Amount due for settlement after 12 months	4,794,619,338	4,794,619,338			4,268,368,752	4,268,368,752

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Trung To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

Detailed information on Short-term borrowings:

Detailed information on Short-term borrowings from banks and credit institutions is as follows:

Interest rate per annum		Contract No.	Currency	Maturity	Date due	Loan purpose	Guarantee	31/12/2024	01/01/2024
								VND	VND
Related parties									
Others	Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Branch 1 Ho Chi Minh city	0207/2024-HBCVHM/NHC T902-SOVIGAZ	VND	According to the debt agreement	According to each debt agreement	Additional working capital	(i)	55,325,925,307	77,948,419,861
								23,978,942,194	38,790,326,950
Asia Commercial Joint Stock Bank	LQD.DN.3625.1 81023 dated 08/01/2024	VND	According to the debt agreement	According to each debt agreement	According to each debt agreement	Additional working capital	(ii)	12,271,931,397	14,113,248,999
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Branch Ho Chi Minh	0023/2475/KHD N3/N-CTD dated 06/02/2024	VND	According to the debt agreement	According to each debt agreement	According to each debt agreement	Additional working capital	(iii)	19,075,051,716	25,044,843,912
								<u>55,325,925,307</u>	<u>77,948,419,861</u>

(3) Forms of Loan Collateral: Mortgage with the borrower's assets, including:
- Land use right and assets attached to the land of the Company at Dong An industrial park, Thuan An district, Binh Duong province, covering an area of 17,255 m², with a usage term until 03/2024, under Mortgage Contract No. 018/2013-HDTC-KH1 dated 07/06/2013, and its attached appendices.

- Assets formed from loan capital, including the entire factories, office, technical infrastructure systems, and machinery equipments of the Oxygen - Nitrogen - Argon production line with a capacity of 3,000 Nm³/h at Dong An industrial park, Binh Duong province, under Mortgage Contract No. 099/2007/HDTTC-KH1 dated 02/11/2007, and its attached appendices.

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Trung To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

(ii) Mortgage with the borrower's assets, including: Real estate, specifically land use rights for lot No. 3262, map sheet No. 3 - Nhut Charh communes, Ben Luc district, Long An province; Owner: Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company; Value: VND 34,382,531,000.

(iii) Mortgage with the borrower's assets, including:

- Used machinery and equipment under Machinery Mortgage Contract No. 0193/2275/TCDN3, signed on 23/12/2022;
- A Hyundai HD700 tractor, license plate: 51D-128.38, under Vehicle Mortgage Contract No. 0194/2275/TCDN3, signed on 23/12/2022;
- An Isuzu NPR35K 3.5 - ton truck, license plate 51D-196.22, under Vehicle Mortgage Contract No. 0194/2275/TCDN3, signed on 23/12/2022;
- An Isuzu NQR75M truck, license plate 51C-969.67, under Vehicle Mortgage Contract No. 0051/2375/TCDN3;
- Inventory goods circulating in the production and business process under Goods Mortgage Contract No. 0131/2175/TCDN3, signed on 04/10/2021;
- Accounts receivable arising from the contract under Mortgage Contract No. 0132/2175/TCDN3, signed on 04/10/2021.

Detailed information on Long-term borrowings:
Terms and conditions of long-term borrowings are as follows:

Related parties	Contract No.	Currency	Interest rate per annum	Maturity	Date due	Loan purpose	Guarantee	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Others	LQD.DN.1524.1	VND	According to the debt agreement	60 months	27/06/2029	Loan for machinery and equipment investment	(iv)	8,309,031,344	9,421,034,849
(4) Asia Commercial Joint Stock Bank	50524 dated 26/06/2024							3,742,200,000	547,511,858
(5) Vietcombank Leasing Company Limited								4,566,831,344	8,873,722,991
Vietcombank Leasing Company Limited	95.20.03/CTTC dated 09/06/2020	VND	Adjustment every 6 months	60 months	09/06/2025	Additional working capital	03 liquid Oxygen, Nitrogen, and Argon centers	327,612,120	813,820,920
Vietcombank Leasing Company Limited	95.20.04/CTTC dated 29/06/2020	VND	Adjustment every 6 months	60 months	29/06/2025	Additional working capital	02 liquid Oxygen storage tanks	162,689,358	404,136,402

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

	Contract No.	Currency	Interest rate per annum	Maturity	Date due	Loan purpose	Guarantee	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.01/CTTC dated 04/02/2021	VND	Adjustment every 6 months	60 months	04/02/2025	Additional working capital	02 liquid Oxygen storage tanks	534,357,920	959,369,312
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.02/CTTC dated 13/04/2021	VND	Adjustment every 6 months	36 months	13/04/2024	Additional working capital	01 Hyundai HD1000 tractor truck	-	208,393,059
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.03/CTTC dated 07/05/2021	VND	Adjustment every 6 months	48 months	07/05/2025	Additional working capital	01 liquid Oxygen, Nitrogen, and Argon tank	120,037,239	357,303,495
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.04/CTTC dated 23/09/2021	VND	Adjustment every 6 months	48 months	23/09/2025	Additional working capital	01 liquid Oxygen storage system	170,305,148	373,275,156
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.05/CTTC dated 23/09/2021	VND	Adjustment every 6 months	48 months	23/09/2025	Additional working capital	01 liquid Oxygen storage tanks	171,676,046	376,284,302
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.06/CTTC dated 20/12/2021	VND	Adjustment every 6 months	48 months	20/12/2025	Additional working capital	01 liquid Oxygen storage tanks	192,025,630	319,556,878

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

	Contract No.	Currency	Interest rate per annum	Maturity	Date due	Loan purpose	Guarantee	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.07/CITC ngày 20/12/2021	VND	Adjustment every 6 months	48 months	20/12/2025	Additional working capital	02 Microbulk tanks	156,532,720	300,266,308
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.08/CITC ngày 20/12/2021	VND	Adjustment every 6 months	48 months	20/12/2025	Additional working capital	08 Microbulk tanks	784,898,400	1,505,618,400
Vietcombank Leasing Company Limited	95.21.09/CITC ngày 30/12/2021	VND	Adjustment every 6 months	48 months	30/12/2025	Additional working capital	01 Liquid-tanker truck	588,930,011	1,057,930,007
Vietcombank Leasing Company Limited	95.22.01/CITC dated 26/04/2022	VND	Adjustment every 6 months	48 months	26/04/2026	Additional working capital	01 liquid tanker truck	704,862,520	1,172,987,512
Vietcombank Leasing Company Limited	95.22.04/CITC dated 20/07/2022	VND	Adjustment every 6 months	48 months	20/07/2026	Additional working capital	01 Hyundai HD1000 tractor truck	652,906,232	1,024,781,240
Amount due for settlement within 12 months								8,309,031,344	9,421,034,849
Amount due for settlement after 12 months								(4,040,662,592)	(4,626,415,511)
								4,268,368,752	4,794,619,338



Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Trung To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

Loans from banks and other credit institutions are secured by the mortgage contract/ collateral/ guarantee with the lender and fully registered as secured transactions.

- (i) Form of Loan Collateral: Mortgage with the borrower's assets, valued at VND 1,807,849,500, including:
- Assets formed in the future/auxiliary constructions attached to land lot No. 3262, map sheet No. 3, Nhut Chanh commune, Ben Luc district, Long An province:
 - + Residential house: 314 m²
 - + Guardhouse: 128.3 m²
 - + Fence: 218.3 m²
 - + Internal road: 2,500 m²
- Documents proving ownership/usage rights of the assets: Land use right certificate, ownership of the house, and other assets attached to the land, certificate No. CD 843924, registration No. CT27169, issued by the Department of Natural Resources and Environment of Long An province on 25/01/2016, with an update on the adjustment of land use rights on 09/03/2021.

16. TRADE PAYABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term				
<i>Related parties</i>				
- Chemical Industry Engineering Joint Stock Company	15,969,790	15,969,790	15,969,790	15,969,790
<i>Others</i>	5,085,702,821	5,085,702,821	6,958,124,427	6,958,124,427
- Nam Long Transportation Service Trading Company Limited	-	-	1,926,189,600	1,926,189,600
- Tran Le Anh Company Limited	1,675,892,160	1,675,892,160	1,584,011,160	1,584,011,160
- Tamah Automation & Chemicals Company Limited	172,800,000	172,800,000	203,073,600	203,073,600
- Phuong Manh Tu Company Limited	158,760,000	158,760,000	506,655,000	506,655,000
- Nikkiso Clean Energy and Industrial Gases (Sea) Sdn. Bhd.	-	-	623,008,475	623,008,475
- Other suppliers	3,078,250,661	3,078,250,661	2,115,186,592	2,115,186,592
	<u>5,101,672,611</u>	<u>5,101,672,611</u>	<u>6,974,094,217</u>	<u>6,974,094,217</u>
b) Long-term				
<i>Related parties</i>	-	-	-	-
<i>Others</i>	998,311,313	998,311,313	998,311,313	998,311,313
- Tan Long Chemical Industry Joint Stock Company	977,631,655	977,631,655	977,631,655	977,631,655
- Other suppliers	20,679,658	20,679,658	20,679,658	20,679,658
	<u>998,311,313</u>	<u>998,311,313</u>	<u>998,311,313</u>	<u>998,311,313</u>

17. PREPAYMENTS FROM CUSTOMERS

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Related parties</i>	-	-
<i>Others</i>	834,859,570	1,044,176,776
- Viet Commercial Real Estate Joint Stock Company	695,250,000	695,250,000
- Other customers	139,609,570	348,926,776
	<u>834,859,570</u>	<u>1,044,176,776</u>

AASC Joint Stock Company

No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

18. TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Opening receivable VND	Opening payables VND	Payables in the year VND	Actual payment in the year VND	Closing receivables VND	Closing payable VND
- Value-added tax	-	158,796,964	4,751,167,829	4,647,772,514	-	262,192,279
- Export, import duties	-	-	990,660,495	990,660,495	-	-
- Corporate income tax	790,364,408	-	304,554,902	62,707,174	548,516,680	-
- Personal income tax	126,755,351	-	250,322,093	213,913,052	90,366,318	-
- Land tax and land rental	697,899,550	-	2,894,095,797	2,196,196,247	-	-
- Other taxes	-	-	12,000,000	12,000,000	-	-
	<u>1,615,059,309</u>	<u>158,796,964</u>	<u>9,202,801,118</u>	<u>8,123,249,492</u>	<u>638,902,998</u>	<u>262,192,279</u>

Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

19. ACCRUED EXPENSES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Interest expenses	71,250,680	121,419,196
- Electricity expenses	2,160,118,843	2,264,934,900
- Other accrued expenses	76,040,282	-
	<u>2,307,409,805</u>	<u>2,386,354,096</u>

20. OTHER PAYABLES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Short-term payables		
- Other payables	87,903,900	69,926,000
Payables to The Southern Fertilizer Joint Stock Company	50,000,000	50,000,000
Payables to Delta Civil & Industrial Construction Company Limited	33,604,000	-
Others	4,299,900	19,926,000
	<u>87,903,900</u>	<u>69,926,000</u>
b) Long-term payables		
- Long-term deposits, collateral received	13,918,525,152	15,573,204,317
Tam Duc Cardiology Hospital Joint Stock Company	200,000,000	200,000,000
Nhan Ai Hospital	-	299,920,000
District 11 Hospital	35,000,000	218,000,000
Branch of Saigon Railway Transport Joint Stock Company - Saigon Carriage Factory	204,000,000	204,000,000
Others	13,479,525,152	14,651,284,317
	<u>13,918,525,152</u>	<u>15,573,204,317</u>
c) In which: Other payables to related parties		
- The Southern Fertilizer Joint Stock Company	50,000,000	50,000,000
	<u>50,000,000</u>	<u>50,000,000</u>

21. OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Development and investment funds	Other capital	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of the previous year	293,500,000,000	5,168,308,346	4,584,886,685	303,253,195,031
Increase in capital in the previous year	-	-	118,133,444	118,133,444
Provision for development investment fund in 2022	-	913,290,840	(913,290,840)	-
Provision for executive board bonus fund	-	-	(75,000,000)	(75,000,000)
Provision for reward and welfare fund	-	-	(304,430,280)	(304,430,280)
Other decrease	-	-	(1)	(1)
Ending balance of previous year	293,500,000,000	6,081,599,186	3,410,299,008	302,991,898,194
Beginning balance of the current year	293,500,000,000	6,081,599,186	3,410,299,008	302,991,898,194
Profit for current year	-	-	715,776,872	715,776,872
Ending balance of the current year	293,500,000,000	6,081,599,186	4,126,075,880	303,707,675,066

b) Details of Contributed capital

	Ending the year	Rate	Beginning the year	Rate
	VND	%	VND	%
Vietnam National Chemical Group	288,098,000,000	98.16	288,098,000,000	98.16
Others	5,402,000,000	1.84	5,402,000,000	1.84
	293,500,000,000	100	293,500,000,000	100

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Owner's contributed capital		
- At the beginning of the year	293,500,000,000	293,500,000,000
- At the end of the year	293,500,000,000	293,500,000,000

d) Share

	31/12/2024	01/01/2024
Quantity of Authorized issuing shares	29,350,000	29,350,000
Quantity of issued shares	29,350,000	29,350,000
- Common shares	29,350,000	29,350,000
Quantity of outstanding shares in circulation	29,350,000	29,350,000
- Common shares	29,350,000	29,350,000
Par value per share: (VND):	10,000	10,000

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

c) Company's reserves

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Development and investment funds	6,081,599,186	6,081,599,186
	<u>6,081,599,186</u>	<u>6,081,599,186</u>

22. OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT

b) Operating leased assets

Land's name/ location	Rented area	Rental period	Rental purpose
Land lot at road No. 1, Dong An industrial park, Thuan An district, Binh Duong	17.255 m2	Until 03/2046	Capital construction
Land lot at road 2, Bien Hoa 1 industrial park, Bien Hoa city, Dong Nai province	24.837,5 m2	01/07/2001 - 12/04/2051	Capital construction
Land lot No. 23, Tra Noi 1 industrial park, Binh Thuy district, Can Tho city	5.582,74 m2	01/01/2006 - 31/12/2045	Business production
Dien Phu industrial park, Dien Khanh district, Khanh Hoa province	19.390,1 m2	27/04/2007 - 03/06/2054	Construction of industrial gas production factory
Land lot at Phuoc Nam industrial park, Thuan Nam district, Ninh Thuan province	5.000 m2	05/2020 - 05/2025	Used as a factory
Land lot at No. 01-03 Nguyen Truong To, district 4, Ho Chi Minh city	1.186,9 m2	28/01/2015 - 28/01/2065	Head office

The company is currently using 04 land lots in Minh Duc Town, Thuy Nguyen District, Hai Phong City, based on the decisions issued by the People's Committee of Hai Phong City. The land lease is on an annual payment basis, according to the land use plan during the privatization of Que Welding Industrial Joint Stock Company. However, the company has not yet entered into a formal land lease agreement. The details of the land lots are as follows:

- Lot No. 01: Area of 3,990 m², in accordance with Decision No. 684/QĐ-XDCB dated 8 October 1977;
- Lot No. 02: Area of 9,668,2 m², in accordance with Decision No. 362/QĐ-QMTK dated 19 October 1970;
- Lot No. 03: Area of 21,175 m², in accordance with Decision No. 968/QĐ-XDCB dated 4 October 1979;
- Lot No. 04: Area of 9,750 m², in accordance with Decision No. 768/QĐ-UB dated 8 November 1978.

f) Doubtful debts written-off

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Hau Giang Shipbuilding Industry Developments Company Limited	241,859,021	241,859,021
- Phu Yen Agriculture and Fisheries Industry Joint Stock Company	164,511,966	164,511,966
- Installation and Construction Company 473 - Team 7 (Da Rang Bridge Project)	14,550,288	14,550,288
- Phan Thanh Company Limited	164,508,000	164,508,000
- 3D - Long Han One Member Company Limited	10,000,000	10,000,000
- Hong Phat Company Limited	69,894,000	69,894,000
- Bien Ngoc Shipbuilding Company Limited	11,609,000	11,609,000
- Hoang Lam Company Limited	7,541,002	7,541,002
- Thien Son Company Limited	134,928,675	134,928,675
- Shinee Construction Joint Stock Company	6,840,054	6,840,054
- Can Tho Fertilizer and Chemical Joint Stock Company	24,724,100	24,724,100
- My Trung My Van HH Cooperative	7,153,000	7,153,000

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Hanoi Industrial Gas Company	3,350,000	3,350,000
- Ha Tu Trading Store	550,000	550,000
- Tam Bac Shipbuilding Factory	645,000	645,000
- Mr. Hung - Hai Phong	937,450	937,450
- Mr. Cong - Hon Gai	936,600	936,600
- Mr. Nong - Can Tho	521,000	521,000
- Huong Thuy Commercial Company Limited	84,897,500	84,897,500
- ORY INTERNATIONNAL Company	58,360,000	58,360,000
- Thuan Thanh Paper Company	6,457,500	6,457,500
- Mrs. Hang - Kilometer No. 7 - Hai Phong	6,840,000	6,840,000
- Bach Dang Private Enterprise (Phu)	111,000,989	111,000,989
- Dung Dat Company Limited	7,671,592	7,671,592
- Hanoi Post and Telecommunication Construction Joint Stock Company	12,190,000	12,190,000
- CLIMA Company Limited	20,600,000	20,600,000
- Toto Paint Technology Cooperation Joint Stock Company	19,000,000	19,000,000
- Tien Binh Company Limited	25,588,497	25,588,497
- Ha Binh HCM Company Limited	17,470,000	17,470,000
- Quyet Thang Packaging Company	14,140,000	14,140,000
- Anh Duc - Quang Ninh Private Enterprise	9,650,000	9,650,000
- Hoai Bac Joint Stock Collective Enterprise	25,023,300	25,023,300
- Tuan Cuong Company Limited	25,100,000	25,100,000

1,309,048,534	1,309,048,534
----------------------	----------------------

23. TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Revenue from sale of goods	219,812,981,841	212,217,575,725
Revenue from rendering of services	17,631,383,324	24,043,567,216
	237,444,365,165	236,261,142,941
In which: Revenue from related parties (Detailed in Note 38)	12,437,239,280	11,483,054,150

24. REVENUE DEDUCTIONS

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
- Sale returns	2,606,000	48,099,080
	2,606,000	48,099,080

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

25. COST OF GOODS SOLD

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Cost of goods sold	184,261,733,566	179,477,332,780
Cost of services rendered	20,040,497,904	19,560,733,714
	<u>204,302,231,470</u>	<u>199,038,066,494</u>
In which: Purchase from related parties (Detailed in Note 38)	<u>21,600,000</u>	<u>27,000,000</u>

26. FINANCIAL INCOME

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest income	29,072,378	26,353,364
Interest from deferred payment sale or payment discount	-	44,925,899
Other financial income	-	372,420
	<u>29,072,378</u>	<u>71,651,683</u>

27. FINANCIAL EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest expenses	5,407,228,287	8,397,762,543
Loss on exchange rate difference in the year	18,620,111	-
	<u>5,425,848,398</u>	<u>8,397,762,543</u>

28. SELLING EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	294,289,969	1,978,698,803
Labour expenses	281,957,467	357,732,697
Depreciation expenses	2,842,554,279	2,854,648,286
Expenses of outsourcing services	4,074,443,864	6,322,389,083
Other expenses in cash	1,529,689,843	1,070,233,779
	<u>9,022,935,422</u>	<u>12,583,702,648</u>

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

29. GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSE

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	46,172,711	515,149,137
Labour expenses	10,891,821,543	6,904,900,973
Provision expenses/ Reversal of provision expenses	917,031,856	59,724,160
Tax, Charge, Fee	2,857,228,892	2,304,218,818
Expenses of outsourcing services	1,728,791,096	2,552,427,692
Other expenses in cash	3,710,529,540	4,179,805,532
	<u>20,151,575,638</u>	<u>16,516,226,312</u>

30. OTHER INCOME

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Gain from disposal of bottle casing, waste material	90,280,910	493,190,164
Gain from disposal of fixed assets	1,983,039,092	-
Reversal of provision	39,764,560	-
Others	705,840,893	28,080,410
	<u>2,818,925,455</u>	<u>521,270,574</u>

31. OTHER EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Carrying amount and expenses from liquidation, disposal of fixed assets	333,637,854	-
Fines	-	10,893,478
Others	33,196,442	242,401
	<u>366,834,296</u>	<u>11,135,879</u>

32. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
<i>Corporate income tax from main business activities</i>		
Total profit before tax	1,020,331,774	259,072,242
Increase	502,442,736	445,621,750
- <i>Ineligible expenses</i>	63,714,464	434,728,272
- <i>Fines</i>		
- <i>Depreciation expenses of fixed assets not involved in production and business activities during the year</i>	290,728,272	-
- <i>Remuneration for Non-Executive Board Members</i>	148,000,000	-
Taxable corporate income	1,522,774,510	704,693,992
Corporate income tax rate	20%	20%
	<u>304,554,902</u>	<u>140,938,798</u>
Current corporate income tax expense (tax rate 20%)		
Corporate income tax at the beginning of the year	(790,364,408)	-
Corporate income tax paid in the year	(62,707,174)	-
	<u>(548,516,680)</u>	<u>140,938,798</u>
Corporate income tax payable at the the year -end from main business		

33. BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share distributed to common shareholders of Company are calculated as follows:

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Net profit after tax	715,776,872	118,133,444
Profit distributed to common shares	715,776,872	118,133,444
Average number of outstanding common shares in circulation in the year	29,350,000	29,350,000
	<u>24</u>	<u>4</u>
Basic earnings per share		

Company has not planned to make any distribution to bonus and welfare fund, bonus for the Board of management from the net profit after tax at the date of preparing Financial Statements.

As at 31 December 2024, Company does not have shares with dilutive potential for earnings per share.

34. BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Raw materials	32,552,946,669	44,785,323,981
Labour expenses	32,713,260,332	22,596,426,006
Depreciation expenses	22,981,790,112	24,169,160,503
Expenses of outsourcing services	92,023,699,038	89,502,878,918
Other expenses in cash	14,071,347,487	11,958,725,456
	<u>194,343,043,638</u>	<u>193,012,514,864</u>

35. FINANCIAL INSTRUMENTS

Financial risk management

Financial risks that Company may face risks including: market risk, credit risk and liquidity risk.

Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. the Board of Management of Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.

Market risk

Company may face with the market risk such as: changes in prices, exchange rates and interest rates.

Exchange rate risk:

Company bears the risk of interest rates due to the transaction made in a foreign currency other than "VND" such as: borrowings and debts, revenue, cost, importing materials, goods, machinery and equipment, etc.

Interest rate risk:

Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Credit Risk

Credit risk is the risk of financial loss to Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments), detailed as follows:

	Under 1 year	From 1 to 5 years	Over 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
As at 31/12/2024				
Cash and cash equivalents	6,881,755,431	-	-	6,881,755,431
Trade and other receivables	71,063,133,281	779,825,442	-	71,842,958,723
	<u>77,944,888,712</u>	<u>779,825,442</u>	<u>-</u>	<u>78,724,714,154</u>
As at 01/01/2024				
Cash and cash equivalents	9,115,030,231	-	-	9,115,030,231
Trade and other receivables	78,700,269,766	849,950,442	-	79,550,220,208
Loans	-	-	-	-
	<u>87,815,299,997</u>	<u>849,950,442</u>	<u>-</u>	<u>88,665,250,439</u>

Liquidity Risk:

Liquidity risk is the risk that Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds.

Liquidity risk primarily arises from the differing maturity dates of financial assets and financial liabilities.

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Under 1 year	From 1 to 5 years	Over 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
As at 31/12/2024				
Borrowings and debts	59,366,587,899	4,268,368,752	-	63,634,956,651
Trade and other payables	5,189,576,511	14,916,836,465	-	20,106,412,976
Accrued expenses	2,307,409,805	-	-	2,307,409,805
	<u>66,863,574,215</u>	<u>19,185,205,217</u>	<u>-</u>	<u>86,048,779,432</u>
As at 01/01/2024				
Borrowings and debts	82,574,835,372	4,794,619,338	-	87,369,454,710
Trade and other payables	7,044,020,217	16,571,515,630	-	23,615,535,847
Accrued expenses	2,386,354,096	-	-	2,386,354,096
	<u>92,005,209,685</u>	<u>21,366,134,968</u>	<u>-</u>	<u>113,371,344,653</u>

Company believes that risk level of loan repayment is controllable. Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

36. OTHER INFORMATION

On 7 September 2024, Typhoon No. 03 (Yagi) made landfall, affecting provinces from Quang Ninh to Nam Dinh and damaging the inventory at Trang Kenh factory in Hai Phong. The incident was reported to PVI Saigon Insurance Company.

On 10 September 2024, the Company, along with PVI Saigon Insurance Company and Risk Inspection & Technical Advisory Company Limited (Raco), conducted an assessment and recorded the extent of the damage caused by the typhoon. As of 31 December 2024, the Company was still working with PVI Saigon Insurance Company to determine the value of the loss to be compensated. Therefore, the Company has not made any adjustments related to this damage yet.

37. SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING PERIOD

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustments or disclosures to be made in the Financial Statements.

38. TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

List and relation between related parties and Company are as follows:

Related parties	Relationship
Vietnam National Chemical Group	Parent company
South Basic Chemicals Joint Stock Company	Subsidiary within the Group
The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	Subsidiary within the Group
Can Tho Fertilizer and Chemical Joint Stock Company	Subsidiary within the Group
Tia Sang Battery Joint Stock Company	Subsidiary within the Group
Chemical Industry Engineering Joint Stock Company	Subsidiary within the Group
The Southern Fertilizer Joint Stock Company	Subsidiary within the Group
France – Vietnam Sorbitol Joint Stock Company	The associated company of the parent company
The members of the Board of Directors, the Board of Management, the Board of Supervision/ Audit Committee	

In addition to the information with related parties presented in the above Notes, during the year Company has transactions with related parties as follows:

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Revenue from sales of goods and rendering of services	12,437,239,280	11,483,054,150
The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	12,365,264,280	11,322,534,700
Can Tho Fertilizer and Chemical Joint Stock Company	71,975,000	66,130,000
Tia Sang Battery Joint Stock Company	-	7,260,500
South Basic Chemicals Joint Stock Company	-	87,128,950
Purchase	21,600,000	27,000,000
South Basic Chemicals Joint Stock Company	21,600,000	27,000,000

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

Transactions with the other related parties as follows:

	Position	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Remuneration of key management persons			
Remuneration of the Board of Directors			
- Nguyen Van Chung	Chairman (Appointed on 2 October 2024)	15,000,000	-
- Nguyen Dinh Khoat	Chairman (Appointed on 27 April 2024 Resigned on 02 October 2024)	25,000,000	-
- Tran Anh Vu	Chairman (Resigned on 27 April 2024)	20,000,000	31,024,000
- Tran Thang	Chairman (Resigned on 22 April 2023)		15,512,000
- Trinh Anh Phong	Member	48,000,000	41,580,000
- Vu Thanh Thuy	Member	48,000,000	41,580,000
- Do Trong Tin	Member	48,000,000	41,580,000
- Ta Manh Hien	Member	48,000,000	41,580,000
		252,000,000	212,856,000
Remuneration of Supervisory Board			
- Dang Thuy Nga	Head of the Supervisory Board (Resigned on 27 April 2024)	84,000,000	195,720,000
- Mai Thi Ly	Head of the Supervisory Board (Appointed on 27 April 2024)	32,000,000	-
- Truong Tuan Nghia	Member	42,000,000	24,000,000
- Nguyen Thi Thuy Duong	Member (Resigned on 22 April 2024)	-	12,000,000
- Vo Hong Nhung	Member	42,000,000	36,000,000
		200,000,000	267,720,000
Salary, reward of General Director and the other managers			
- Trinh Anh Phong	General Director	312,000,000	232,680,000
- Ta Manh Hien	Deputy General Director	276,000,000	207,900,000
- Mai Tu Phuong	Chief Accountant	252,000,000	195,720,000
		840,000,000	636,300,000

Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company
No. 1-3, Nguyen Truong To Street, Ward 13
District 4, Ho Chi Minh City

Financial Statements
for the fiscal year ended as at 31/12/2024

39. COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures in Statement of Financial Position, Statement of Income, Statement of Cash flows and corresponding notes are taken in Financial Statements for year ended as at 31 December 2023 audited by Vietnam Auditing and Valuation Company Limited.

Preparer



Do Ba Thong

Chief Accountant



Mai Tu Phuong

Ho Chi Minh, 24 March 2025
General Director



Trần Anh Phong

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Ho Chi Minh City, March 28, 2025

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

CONFIRMATION OF

LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC

CEO



Trịnh Anh Phong
Trịnh Anh Phong